



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC JOOMLA

version 1.0
(Lưu hành nội bộ)



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Giới thiệu :

Trung Tâm Đào Tạo Quản Trị Mạng & an ninh mạng ATHENA ,là một tổ chức qui tụ nhiều trí thức trẻ đầy năng động, nhiệt huyết và kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT.

Với tâm huyết góp phần vào công cuộc thúc đẩy tiến trình tin học hóa của nước nhà. ATHENA đã và đang tập trung chủ yếu vào hoạt động như sau:

- Đào tạo quản trị mạng, an ninh mạng , thiết kế website, thương mại điện tử,.. theo các chương trình quốc tế như MCSA(Microsoft), CCNA (Cisco), Security+, CEH (hacker mũ trắng), chuyên gia an ninh mạng ATHENA- AN2S
- Tư vấn và hỗ trợ cho doanh nghiệp ứng dụng hiệu quả tin học vào hoạt động sản xuất kinh doanh như e-marketing, quản lý doanh nghiệp CRM, ERP,...
- Cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đặc biệt là các chuyên gia về Mạng Máy Tính và Bảo Mật Mạng đạt trình độ quốc tế cho các tổ chức, doanh nghiệp như các ngân hàng, tổ chức tài chính, bưu điện,...

Trụ sở chính của Athena :

2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM

Website : www.athena.edu.vn

Tel : 38244041 – 090 78 79 477



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Mục lục :

- Chapter 1: Hướng dẫn cài đặt Joomla
- Chapter 2: Administrator Overview
- Chapter 3: Global Configuration
- Chapter 4: Language Manager
- Chapter 5: Media Manager
- Chapter 6: Site Preview
- Chapter 7: Site Statistics
- Chapter 8: Managing Templates & Modules Positions
- Chapter 9: Trash Manager
- Chapter 10: Managing Users
- Chapter 11: Managing Your Menus
- Chapter 12: Managing your Home page using the Frontpage Component
- Chapter 13: Creating/Editing and Managing Content
- Chapter 14: Managing Components
- Chapter 15: Managing Modules
- Chapter 16: Managing Mambots
- Chapter 17: Installers
- Chapter 18: Messages
- Chapter 19: Global Check-in, Clean Cache
- Chapter 20: General Help, System Info
- Chapter 21: All about Parameters
- Chapter 22: Troubleshooting



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 1: HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT JOOMLA

Việc cài đặt Website Joomla! là rất dễ dàng, đơn giản và nhanh chóng đối với tất cả mọi người. Bạn chỉ cần truy cập Website Joomla , download bộ cài đặt, giải nén, upload lên host, tạo database và tiến hành cài đặt theo từng bước. Màn hình cài đặt của Joomla 1.5 khá thân thiện và được bố trí hợp lý. Bạn chỉ cần chú ý một điều duy nhất là "phải tạo 1 database với Collation - charset: utf8_general_ci" trước khi cài đặt mà thôi.

Dưới đây là các bước thực hiện.

Bước 0: Download & Upload bộ cài đặt Joomla!

Download Joomla 1.5

- Download link: Joomla 1.5 beta (night builds)
- Thông tin khác: Joomla 1.5

Upload Joomla

Upload lên Server và giải nén vào thư mục gốc chứa Web của bạn (hoặc một thư mục con của nó và đặt tên là joomla).

Thư mục gốc chứa Web thường có tên là:

htdocs, public_html, www, wwwroot...

C:\wamp\www\

C:\Program Files\xampp\htdocs\

Bạn có thể Upload bằng một số cách:

- Bằng Copy trực tiếp (nếu cài trên máy của bạn)
- Bằng công cụ quản trị mà HOSTING cung cấp.
- Bằng công cụ FTP: WS_FTP, ,Total Commander, Net2FTP...

Bước 1: Chọn ngôn ngữ cài đặt

Mở trình duyệt và gõ vào địa chỉ Website của bạn.

- Nếu bạn giải nén bộ cài đặt vào thư mục gốc thì gõ: <http://yoursite/>

VD: <http://httpsript.com/>

VD: <http://joomla.httpsript.com/>

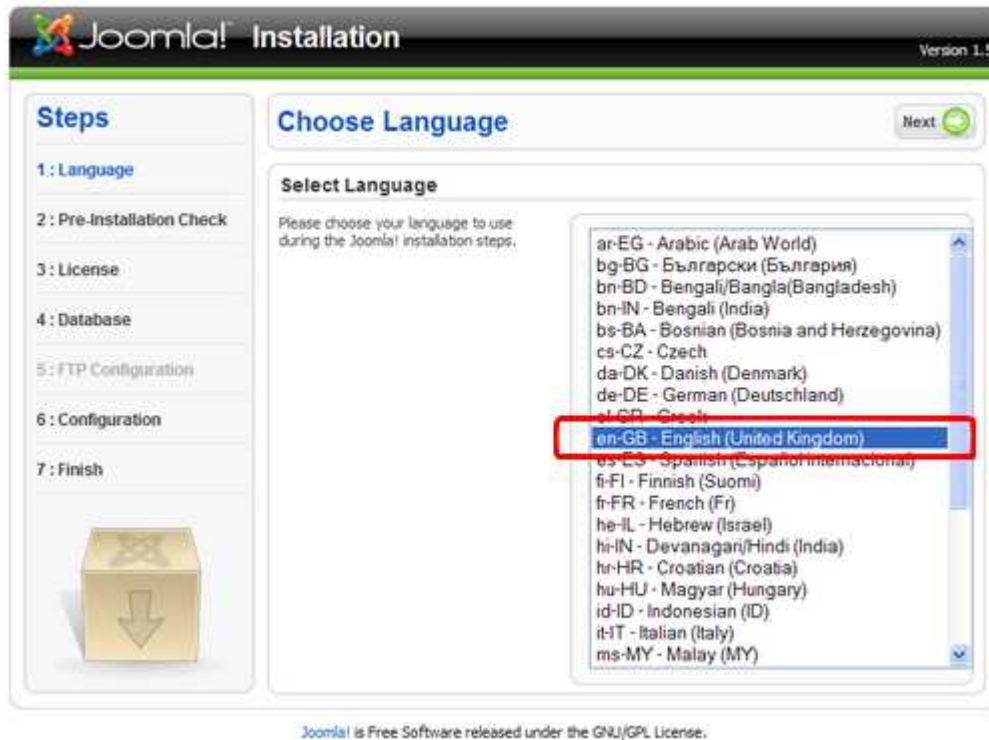
VD: <http://localhost/> (nếu cài trên máy của bạn)

- Nếu bạn giải nén bộ cài đặt vào thư mục joomla (thư mục con của thư mục gốc) thì gõ: <http://yoursite/joomla/>

VD: <http://httpsript.com/joomla/>

VD: <http://localhost/joomla/> (nếu cài trên máy của bạn)

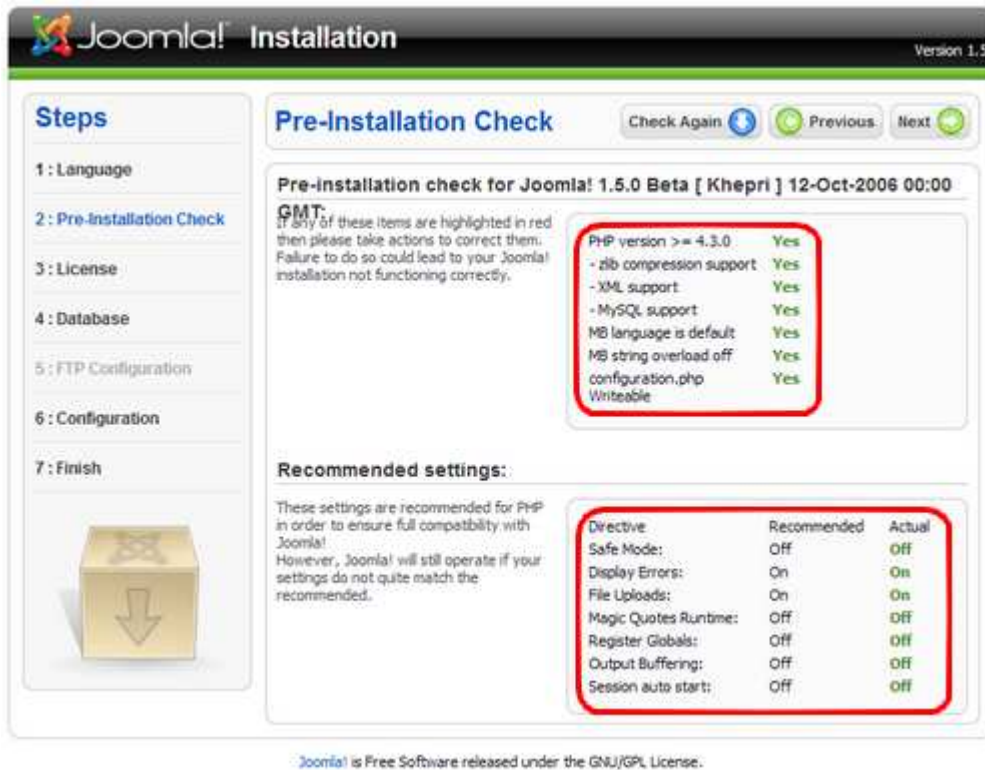
Màn hình cài đặt xuất hiện và bạn có thể chọn một ngôn ngữ trong quá trình đặt:



Bước 2: Kiểm tra cấu hình hệ thống

Nếu các giá trị kiểm tra có màu xanh thì OK.

Nếu các giá trị kiểm tra có màu đỏ thì bạn cần hỏi bộ phận Hỗ trợ kỹ thuật của Server. Bạn vẫn có thể tiếp tục cài đặt tuy nhiên một số chức năng có thể sẽ không hoạt động.



Steps

- 1 : Language
- 2 : Pre-Installation Check
- 3 : License
- 4 : Database
- 5 : FTP Configuration
- 6 : Configuration
- 7 : Finish

Pre-Installation Check [Check Again] [Previous] [Next]

Pre-Installation check for Joomla! 1.5.0 Beta [Khepri] 12-Oct-2006 00:00

GMT:
If any of these items are highlighted in red then please take actions to correct them. Failure to do so could lead to your Joomla! installation not functioning correctly.

PHP version >= 4.3.0	Yes
- zlib compression support	Yes
- XML support	Yes
- MySQL support	Yes
MB language is default	Yes
MB string overload off	Yes
configuration.php Writeable	Yes

Recommended settings:

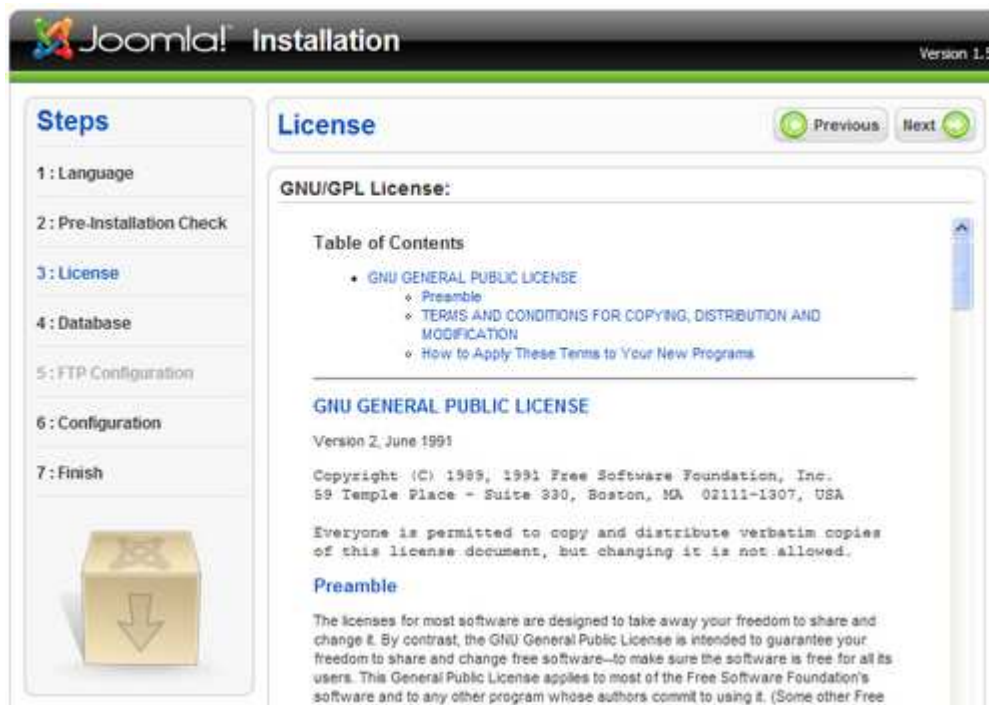
These settings are recommended for PHP in order to ensure full compatibility with Joomla!
However, Joomla! will still operate if your settings do not quite match the recommended.

Directive	Recommended	Actual
Safe Mode:	Off	Off
Display Errors:	On	On
File Uploads:	On	On
Magic Quotes Runtime:	Off	Off
Register Globals:	Off	Off
Output Buffering:	Off	Off
Session auto start:	Off	Off

Joomla! is Free Software released under the GNU/GPL License.

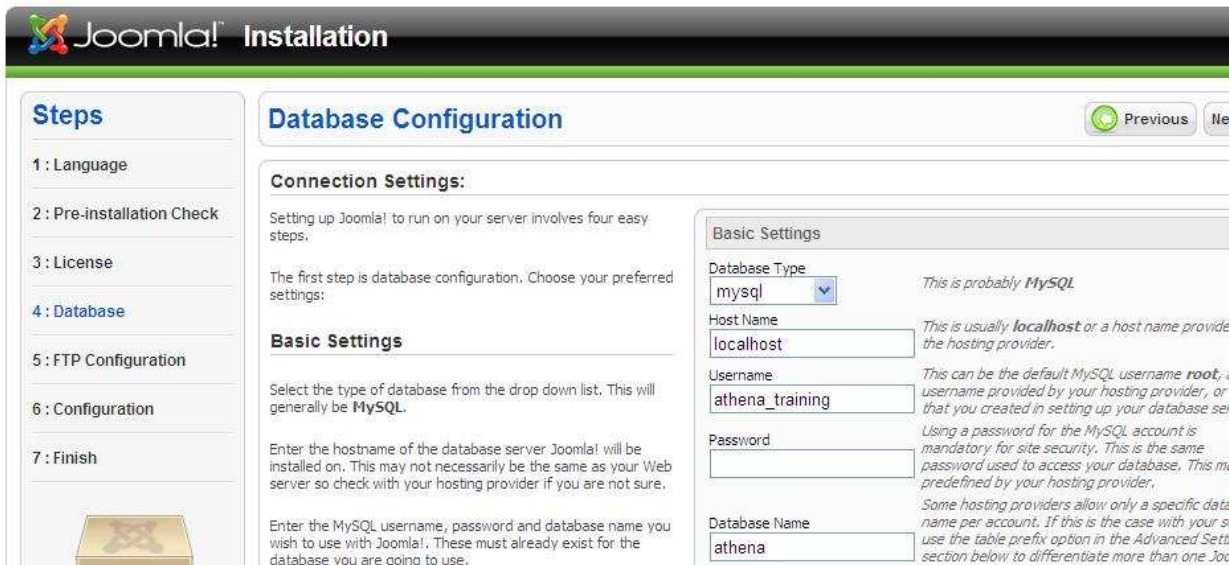
Bước 3: Thông tin bản quyền

Bạn nên dành một chút thời gian để đọc các thông tin này



Bước 4: Thiết lập các thông số để kết nối tới Cơ sở dữ liệu

- Hostname: Thường là giá trị "localhost"
(chỉ điền giá trị khác nếu như Database Server và Web Server nằm ở 2 nơi khác nhau, hoặc Host của bạn cung cấp như vậy)
- User name: Tên tài khoản có quyền đối với cơ sở dữ liệu chứa Joomla của bạn.
- Password: Mật khẩu của tài khoản trên
- Availbe Collations: Bạn nên chọn là "utf8_general_ci"
- Database Name: Tên cơ sở dữ liệu của bạn



Bước 5: Thiết lập các thông số FTP

- Nếu Host của bạn không hỗ trợ, mục này sẽ không hiển thị
 - Nếu Host của bạn hỗ trợ, bạn cần chú ý:
 - Username: Tên tài khoản FTP
 - Password: Mật khẩu tương ứng.
 - Auto Find Path: Tự động tìm đường dẫn tới nơi chứa Web của bạn
- (Nên dùng chính tài khoản mà bạn đã Upload bộ cài đặt Joomla lên HOST)

Bước 6: Thiết lập cấu hình site Joomla của bạn


- Site name: tên site của bạn.
VD: httpscript.COM, VnExpress, Hosting Việt Nam, ThanhNienOnline, ATHENA.EDU.VN
 - Your Email: địa chỉ email của bạn
VD: admin@ATHENA.EDU.VN
 - Admin Password: Mật khẩu để quản trị Joomla
- Các thông số trên sau này đều có thể thay đổi dễ dàng nên bạn không cần bận tâm lắm. Chỉ cần nhớ mật khẩu là đủ .
- Install Defaul Sample Data: Cài đặt dữ liệu mẫu. Bạn nên nhấn nút này để Joomla tạo mẫu cho bạn một trang web đơn giản.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Steps

- 1 : Language
- 2 : Pre-installation Check
- 3 : License
- 4 : Database
- 5 : FTP Configuration
- 6 : Configuration**
- 7 : Finish



Main Configuration

Previous Next

Site Name:
Enter the name of your Joomla! site.
Site Name:

Confirm the Admin E-mail and Password.
Enter your e-mail address. This will be the e-mail address of the Web site Super Administrator.
Enter a new password and then confirm it in the appropriate fields. Along with the username **admin**, this will be the password that you will use to login to the Administrator Control Panel at the end of the installation.
If you are migrating, you can ignore this section. Your current settings will be automatically migrated.

Your E-mail:
Admin Password:
Confirm Admin Password:

Load sample data, restore or migrate backed-up content

Important! It is strongly recommended that new Joomla! users install the default sample data. To do this, select the option *and* click on the button *before* moving to the next stage.

Before leaving the installation, you can populate the site database with data. There are three ways to do this:

1. Default sample data can be inserted. To do this, select the first option and click the Install Sample Data button.

Install Default Sample Data *Installing sample data is strongly recommended for beginners. This will install sample content that includes the Joomla! installation package.*

Load Migration Script *The migration script needs to be created on the old site the `com_migrator` tool to conform. Enter the table prefix of the old site and enter the encoding used in it.*

Bước 7: Kết thúc

- Lưu ý: tài khoản truy nhập hệ thống là: admin; mật khẩu: mật khẩu mà bạn đã gõ ở bước 6.
- Để xem Website của bạn: Nhấn vào nút Site
- Xóa thư mục installation để hoàn thành quá trình cài đặt
- Để quản trị Website: Nhấn vào nút Admin. Đường dẫn sẽ có dạng như sau:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Steps

- 1 : Language
- 2 : Pre-Installation Check
- 3 : License
- 4 : Database
- 5 : FTP Configuration
- 6 : Configuration
- 7 : Finish**

Finish Site Admin

Congratulations! Joomla! is installed.

Click the "Site" button to start Joomla! site or "Admin" to take you to administrator login.

On the Joomla! help page for languages you will find an easy step by step help to install your own languagepack in Joomla! You will find a list there with links to the available languagepacks. Click the button on the right to open the helpsite in a new window.

PLEASE REMEMBER TO COMPLETELY REMOVE THE INSTALLATION DIRECTORY

Administration Login Details

Username : admin

Joomla! in your own language?
Visit the Joomla! help site for more information and downloads.

Joomla! is Free Software released under the GNU/GPL License.

CHƯƠNG 2: GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT

Joomla Administration – Quản trị Joomla:

Là trung tâm điều khiển của website Joomla. Dùng giao diện tạo nhả của Admin Section để xây dựng cấu trúc và biên tập, xuất bản nội dung.



Admin Section được chia thành bốn vùng : Menubar – thanh menu, Toolbar – thanh công cụ, Infobar – thanh thông tin, Workspace – vùng làm việc. Để truy cập vào vùng Administration, đăng nhập (log in) bằng tài khoản người dùng với đặc quyền quản trị .(administrative)

Administrator Login – Đăng nhập Quản trị viên :

Cài đặt mới Joomla sẽ có một người dùng được cài. Người dùng (user) này được biết như là Super Administrator (siêu quản trị viên). Super Administrator có tên truy cập (login name) là “admin”. Bạn sẽ tạo một password cho Super Administrator trong qua trình cài đặt Joomla. Vì lý do an ninh, bạn nên đổi tên truy cập và password của Super Administrator.

Mỗi người dùng trong Joomla được gán vào một nhóm, hiện tại có ba nhóm người dùng với đặc quyền truy cập tới Administrator Back-end : Super Administrator, Administrator, và Manager.

Chức năng của mỗi nhóm được giảng giải dưới đây :

Super Administrator – siêu quản trị :



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Super Administrator Group truy cập vào tất cả các chức năng Back-end (Administrator). Site của bạn phải có tối thiểu một người được bổ nhiệm là một Super Administrator để thực hiện Global Configuration (cấu hình tổng thể) của site. Những người dùng trong nhóm này không thể xóa và không thể chuyển đổi sang nhóm khác.

Administrator- Quản trị viên:

Nhóm quản trị có một hạn chế nhỏ khi truy cập vào các chức năng Back-end (Administrator).

Administrator không thể :

- Thêm hay sửa một người dùng trong nhóm Super Administrator
- Truy cập các cài đặt Global Configuration
- Truy cập chức năng Mass Mail
- Quản lý/cài đặt các Template
- Quản lý/cài đặt các file language (ngôn ngữ)

Manager – Quản lý:

Nhóm quản lý có tham số hầu hết, có ý nghĩa trong việc tạo nội dung. Một người trong nhóm này, có thêm một số giới hạn so với một Administrator, không thể

- Quản lý các User
- Cài đặt các Module
- Cài đặt các Component
- Truy cập một số Component (được xác định bởi Super Administrator)

Menubar – Thanh Menu:

Thanh Menu được chia thành mười phần : Home (trang chủ), Site, Menu, Content (nội dung),

Components, Modules, Mambots, Installers (cài đặt), Messages (thông điệp), System (hệ thống) và Help (trợ giúp). Mỗi phần có một menu đồ xuống phụ thuộc. Thanh menu là trung tâm điều hướng trong Admin Section. CHÚ Ý :

Để thoát mà không lưu lại những sửa đổi, bạn phải dùng nút Cancel và không dùng nút Back của trình duyệt khi đang chỉnh sửa những item. Nếu bạn dùng nút back của trình duyệt, item sẽ

không được kiểm tra trở lại trong hệ thống và dấu khóa sẽ ngăn cản những người dùng khác có thể chỉnh sửa item. Để xóa khóa check-out, đơn giản chỉ chỉnh sửa item và lưu nó đúng cách hoặc thực hiện checkin toàn diện dùng nút Global Checkin dưới menu System.

Infobar – thanh thông tin :



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Infobar hiển thị những thông tin sau (theo thứ tự):

1. Tên Web site của bạn
2. Nơi hiện tại của bạn trong Admin Section
3. Tên của người dùng đã đăng nhập (log in), như “Logged in as Admin”
4. Số thông điệp chưa giải quyết mà bạn có từ những Administrator khác, đang dùng chức năng thông điệp trong My Admin
5. Số người dùng hiện tại đang online

Tên site và nơi của bạn chỉ ra trong Pathway (đường dẫn), một textbox (hộp nhập văn bản) nằm phía trên bên trái của trang Admin. Messages (những thông điệp), số người dùng đang online, và tên đăng nhập của bạn xuất phía trên bên phải.

Workspace – không gian làm việc :

Workspace là một vùng nằm ngay dưới Menubar và Toolbar hiển thị những điều khiển cho mục menu được chọn hiện tại. workspace cập nhật khi bạn lựa chọn một menu hay dùng một công cụ từ toolbar, cài đặt mặc định là Control Panel (bảng điều khiển)

Control Panel – bản điều khiển :

Bên trái của Control Panel hiện những biểu tượng cho những mục nội dung quản lý chính :

Bên phải của Control Panel hiện những thẻ tab truy cập những menu của component đã cài đặt, một danh sách các content item được ưa chuộng, thông tin về những item mới nhất thêm vào hệ thống (bao gồm tiêu đề, ngày, và tác giả), và menu statistics (thống kê menu). Tất cả những biểu tượng và dòng văn bản trên Control Panel đều có thể click và sẽ đưa các điều khiển của mục chọn vào Workspace.

Toolbar Icons – Các biểu tượng Toolbar :

Publish (xuất bản) : Đây là biểu tượng để xuất bản category hoặc những item. Những khác thăm site có thể những item này trên site.

Unpublish (thôi xuất bản): biểu tượng này sẽ thôi xuất bản một category hoặc item, Việc không xuất bản sẽ xóa item khỏi trang xem công cộng, nhưng không xóa category hay item. Để xóa một item, chọn nó và click biểu tượng “Delete”

Archive: (kho lưu) : biểu tượng này chuyển một item vào Archive,



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

New: (tạo mới): biểu tượng này thêm một item, section, link, v.v.

Edit:(chỉnh sửa): biểu tượng này chỉnh sửa một item đã được tạo trước đó. Phải chắc đã lựa chọn một item trước khi click biểu tượng này.

Delete or Remove: (xóa): biểu tượng này xóa một category hay item trong site của bạn. Chú ý rằng tiến trình này không thể phục hồi được. Để xóa một item hay category tạm thời, click biểu tượng “Unpublish”.

Trash: (thùng rác): biểu tượng này xóa một item và đặt nó vào Trash Manager (quản lý rác). Ghi chú: bạn có thể phục hồi những item đã đổ đi trở lại tình trạng trước đó. Đơn giản vào Trash Manager dưới menu Site.

Move: (di chuyển): biểu tượng này di chuyển một item đến một Section hay Category mới.

Apply: (áp dụng): biểu tượng này sẽ lưu nội dung mới hay những thay đổi nhưng trang vẫn mở để tiếp tục chỉnh sửa

Save (lưu): biểu tượng này lưu nội dung mới của bạn hay những thay đổi cấu hình và quay trở lại trang trước.

Cancel (thôi) : biểu tượng này sẽ thôi tạo một trang hay thôi không lưu những thay đổi.

Chú ý: Nếu bạn muốn thôi tạo hay chỉnh sửa bạn phải dùng nút này và không được dùng nút back trên trình duyệt vài như vậy sẽ khóa item và những content manager khác không thể chỉnh sửa trang được.

Preview: (xem trước): biểu tượng này dùng để xem, trong một cửa sổ pop-up, một cái nhìn trước của bất kì sự thay đổi nào bạn làm. Nếu trình duyệt của bạn được cài khóa những cửa sổ pop-up hoặc bạn đang dùng phần mềm khóa pop-up, bạn cần đổi cài đặt hay vô hiệu phần mềm để xem trước.

Upload: (tải lên): biểu tượng này dùng để tải lên một file hay ảnh đến web site của bạn.

CHÚ Ý : Nếu bạn muốn thôi tạo hay chỉnh sửa, bạn phải dùng nút này và không dùng nút back của trình duyệt để ngăn chặn khóa “Checking Out” trang của bạn và ngăn cản người khác chỉnh sửa nó. Khi dùng những component hoạt động thay thế của hãng thứ 3 có thể gán cho một số biểu tượng này



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

User Groups và Access Control – những nhóm người dùng và điều khiển truy cập:

Joomla có hai hệ thống phân cấp nhóm người dùng (user group) chính: một để truy cập Front-end (vì những user có thể log in và web site và xem những phần hay trang được chỉ định) và một cho truy cập Back-end Administrator .

Các nhóm được cung cấp mặc định là :

Public Front-end (mặt trước dùng chung)

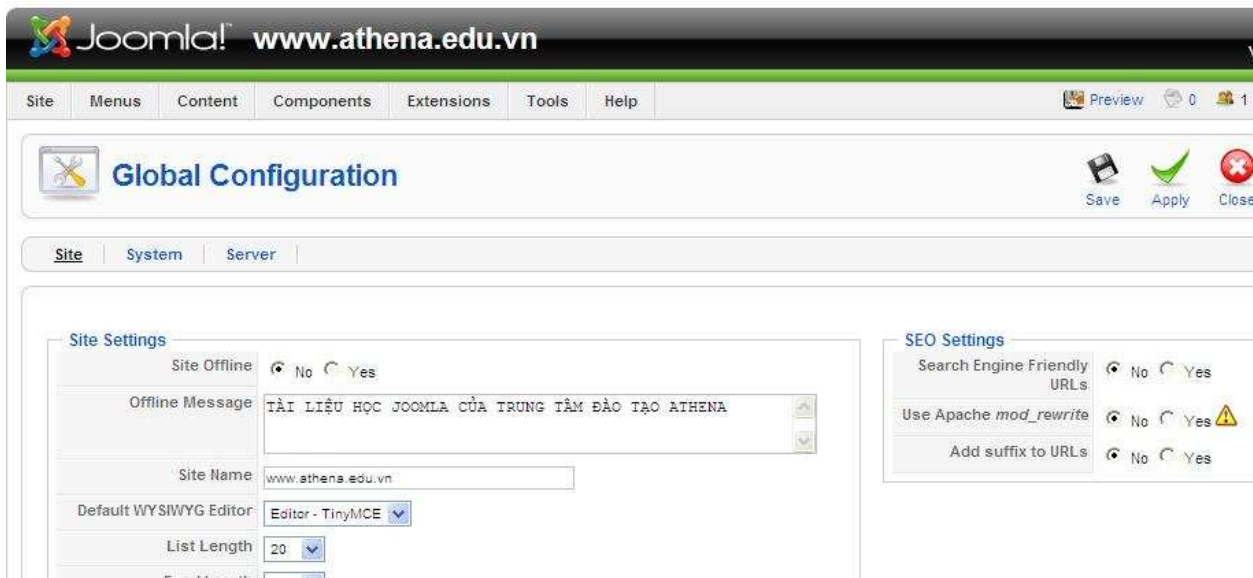
- | - Registered (đã đăng kí)
- | - - Author (tác giả)
- | - - - Editor (người biên tập)
- | - - - - Publisher (người xuất bản)

Public Back-end (mặt sau dùng chung)

- | - Manager (người quản lý)
- | - - Administrator (người quản trị)
- | - - - Super Administrator (siêu quản trị)

CHƯƠNG 3: GLOBAL CONFIGURATION – CẤU HÌNH TỔNG THỂ

Global Configuration Là trung tâm cấu hình chính trong Joomla. Những thay đổi thực hiện tại sẽ được cập nhật vô file configuration.php của bạn. File này cần được cho quyền viết lên để bạn có thể chỉnh sửa cấu hình của mình. Để làm điều này xin hãy theo chỉ dẫn phía dưới của mục này.



Làm cho Cấu hình của bạn có thể chỉnh sửa được :

- Mở FTP và tới site root của bạn
- ##chmod## file ##configuration.php## thành 777

Để thêm bảo mật, tra lại ##configuration.php## về ##chmod 644## sau khi thực hiện thay đổi.

Thêm thông tin về ##chmod## và quyền truy cập có thể tìm thấy tại :

- <http://catcode.com/teachmod>
- http://www.evolt.org/article/A_quick_and_dirty_chmod_Tutorial/18/541

Global Configuration cung cấp 10 thẻ tab sau để điều khiển những chọn lựa của bạn :

- Site



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

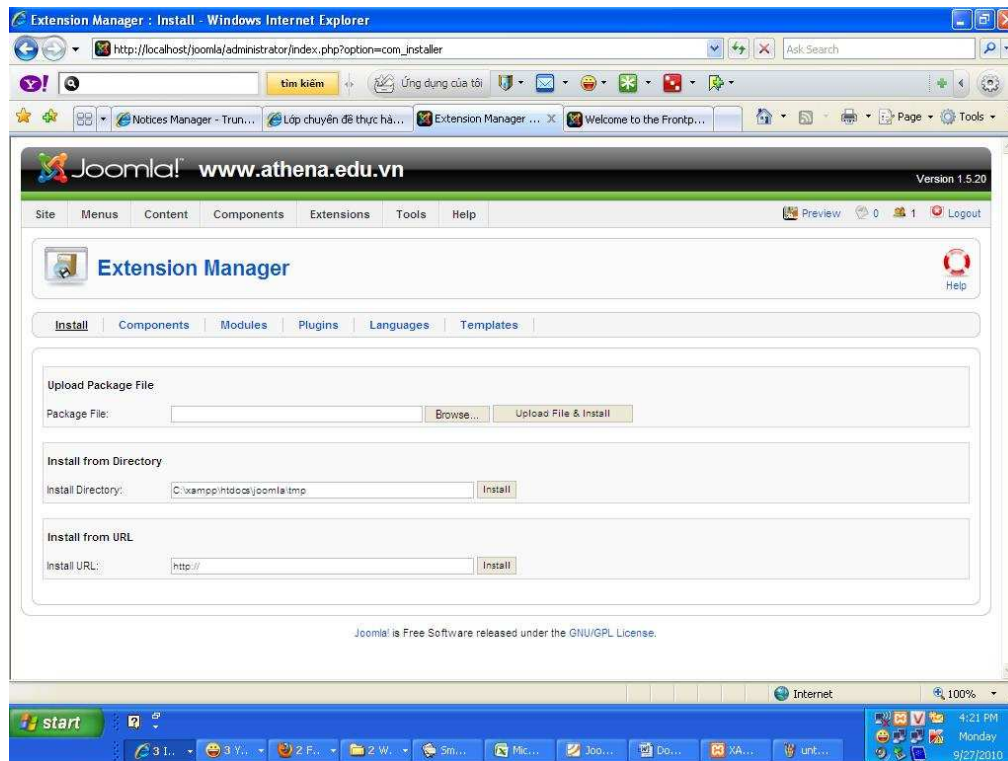
- Locale (vùng)
- Content (nội dung)
- Database (cơ sở dữ liệu)
- Server (máy chủ)
- Metadata (thông tin thêm)
- Mail
- Cache
- Statistics
- SEO

CHƯƠNG 4: LANGUAGE MANAGER – QUẢN LÝ NGÔN NGỮ

Language Manager Cho phép bạn duy trì những file ngôn ngữ đã được cài đặt.

Installed Languages - chỉ ra tất cả những ngôn ngữ cài đặt hiện tại của Joomla với một dấu kiểm bên cạnh ngôn ngữ hoạt động hiện tại.

Để học cách cài đặt và gỡ bỏ một file ngôn ngữ Front End, click liên kết Help Screen này



Install/Uninstall a Language or Template



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 5: MEDIA MANAGER – QUẢN LÝ MEDIA

Media Manager:

Cái nhìn đầu tiên của màn hình Media Manager sẽ cho thấy tất cả các thư mục media và ảnh đã tồn tại ở thư mục gốc, và ba trường nhập text. Trang quản lý này cho phép bạn thực hiện 3 nhiệm vụ cơ bản :

1. Tạo (hoặc xóa) những thư mục chứa các file media
2. Tải lên nội dung media vào bất kỳ thư mục nào, hoặc xóa những file media đã có.
3. Lấy những code (dòng địa chỉ url đầy đủ) cần dùng media trong site của bạn.

Tạo một thư mục mới :

Trong hộp text Create Directory, nhập một tên cho thư mục mới, rồi click biểu tượng “Create” trên thanh công cụ. Thư mục sẽ được tạo và sẵn sàng để bạn lưu các file của mình. Đây là thư mục con trong thư mục chính (cái nhìn thấy đầu tiên). Nó sẽ được chỉ như một folder mới trong của sổ Media Manager.

CHÚ Ý : Việc tạo những thư mục mới chỉ có thể nếu server của bạn có “safe mode off” (bạn cần kiểm tra lại cài đặt này từ Menu : System/System? Information? PHP settings). Nếu “Safe Mode” là “on”, bạn có thể yêu cầu ISP (nhà cung cấp dịch vụ Internet) của bạn tắt nó. Nếu cái này được đặt là “ON”, bạn sẽ phải tạo những thư mục dùng phần mềm FTP của bạn.

Bạn có thể xóa một thư mục bằng cách click vào biểu tượng “Trash Can” dưới ảnh của folder tương ứng. Click vào chính biểu tượng “Folder” của nó sẽ chuyển đến nội dung của nó.

Tải lên một file :

Để upload (tải lên) một file, hoặc nhập địa chỉ của những file trong đĩa cứng của bạn vào text box (hộp văn bản), hoặc click nút “Browse” sẽ mở một cửa sổ pop-up, từ đây bạn có thể duyệt vô đĩa cứng để tìm file mà bạn muốn upload. Chọn thư mục bạn muốn upload file vào. Click biểu tượng “Upload” trên thanh công cụ. Ảnh hay dữ liệu của bạn sẽ upload và sẵn sàng trong thư mục đã chọn

Xóa một file :

Để xóa một file, click biểu tượng “Trash Can” dưới ảnh của file trong của sổ Media Manager.

Lấy hyperlink (siêu liên kết) của một file :



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Click biểu tượng cây bút chì của file trong màn hình Media Manager. Việc này sẽ truy cập vào mã hyperlink của trong trường “Code”. Cái này có thể được dùng để chép và dán vào nơi khác như content item hay module text box.

CHÚ Ý : Phải chắc chắn những file của bạn có phần mở rộng đúng cho loại ảnh và dữ liệu. Điều này giúp bạn tổ chức các ảnh hay các file với Media Manager vào những thư mục thích hợp.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 6: SITE PREVIEW – XEM TRƯỚC SITE

Chức năng Site Preview cung cấp khả năng cho bạn xem tiến trình công việc của mình trên site. Chọn “Site Preview” từ menu Administrator sẽ cho bạn ba chọn lựa :

- Cửa sổ mới
- Trong hàng
- Trong hàng với các vị trí
- Chọn bất kì lựa chọn nào, trang chủ site của bạn sẽ hiện ra. Lựa chọn đầu tiên, “New Window” mở một cửa sổ mới để xem Front-end site của bạn.

Lựa chọn thứ hai, “In-line”, bạn thấy Front-end site của bạn trong một cửa sổ Iframe trong của sổ trình duyệt hiện tại.

Lựa chọn thứ ba, “in-line with positions”, hiện template trang chủ với các tên của nhiều khối khác nhau (“User3”, “Right”, “Left”, “Debug”) hiển thị cụ thể hơn trong những block này.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 7: SITE STATISTICS – THỐNG KÊ SITE

Statistics – các thống kê :

Có ba báo cáo phân tích thống kê có thể :

- Trình duyệt
- Hệ điều hành
- Thống kê tên miền (domain)

CHÚ Ý: Nhiều mục không được kích hoạt mặc định. Bạn cần kích hoạt chúng trong Global Configuration nếu chúng chưa !

Browser statistics - Những thống kê về trình duyệt:

Những thống kê này được cung cấp trong thẻ tab đầu tiên. Mặc định, kết quả được sắp xếp theo tên của trình duyệt theo thứ tự tăng dần. Browser statistics chỉ cho bạn trình duyệt nào người dùng dùng để xem site của bạn.

CHÚ Ý : Những số liệu này chỉ là định hướng, với một số trình duyệt có thể hơi ngớ ngẩn vì mã trình duyệt xuất hiện trong những trình duyệt khác không thật sự đúng. Đây có thể là lý do một số site chỉ cho phép Internet Explorer xem được, rồi đến trình duyệt không phải Internet Explorer giả lập giống Internet Explorer và vẫn có thể xem site

Click biểu tượng bên cạnh cột tiêu đề để thay đổi giữa thứ tự tăng hay giảm.

Bạn cũng có thể sắp xếp theo tỉ lệ phần trăm những kết quả liên quan. Click biểu tượng bên cạnh cột tiêu đề “%” để thay đổi giữa thứ tự tăng và giảm. Để sắp xếp lại tên trình duyệt, đơn giản click lại vào biểu tượng bên cạnh cột tiêu đề chính.

Operating System statistics – thống kê về hệ điều hành :

Những thống kê này được chỉ ra trong thẻ tab thứ hai. Bạn có thể sắp xếp kết quả theo cách bạn làm với Browser statistics (hoặc theo tên hệ điều hành hoặc theo tỉ lệ phần trăm)

Những số liệu này nói hệ điều hành nào được người dùng đang chạy khi duyệt site. Cũng



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

như Brower statistic, bạn có thể không bao giờ chắc chắn rằng chúng đúng 100%, nhưng chúng cũng đáng tin hơn số liệu về trình duyệt. Nhắc lại, chỉ dùng những số liệu như một định hướng.

Top Level Domain statistics – thông kê những tên miền đỉnh cao:

Những thống kê này được chỉ ra trong thẻ tab thứ ba. Bạn có thể sắp xếp kết quả theo cách giống như bạn làm với Brower Statistics (hoặc theo tên miền hoặc theo tỉ lệ phần trăm).

Page Impressions – những trang ấn tượng

Báo cáo này chỉ ra những Content Item được xem nhiều nhất.

Search Text – văn bản tìm kiếm :

Báo cáo này chỉ ra danh sách theo thứ tự tăng dần của các Item yêu cầu trong chức năng tìm kiếm của Front-end mà người dùng gõ vào. Những cột chỉ ra văn bản, số lần tìm kiếm và số kết quả mà trả về cho mỗi từ hay đoạn.

Những kết quả thống kê này sẽ cho phép bạn điều chỉnh site của bạn cho phép khách thăm tìm được những nội dung vô danh hay không có chỉ mục. Ví dụ, những từ sai chính tả, ở số nhiều hay số ít có thể thêm vào Meta Data (từ khóa hoặc mô tả) để bổ xung các từ hay ngữ trong phần thân văn bản của Content Item.

Thật ngớ ngẩn khi viết một mục báo như “We have the following job/jobs/job vacancies ...” thay vì bạn thêm “jobs”, “job vacancies” bạn thêm “job” (sai chính tả) vào Meta Data của Content Item để tăng tính đặc thù cho việc tìm kiếm trong site của bạn

Điều này rất dễ bị quên, nhưng nếu làm đúng nó có thể cho chủ nhân hoặc webmaster của site thông tin về những người khách thăm site.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 8: QUẢN LÝ Templates & Modules Positions

Template Manager

Cung cấp một nơi làm việc để cài đặt và điều khiển các template. Các Administrator và Manager với quyền cấp phép đặc biệt cho Template Manager có thể chỉnh sửa template. Cái nhìn đầu tiên cung cấp cho bạn một danh sách các template đã cài đặt. Một dấu kiểm xanh hiện lên ngay bên tên của template được xuất bản hiện tại. Vài thông tin về mỗi template cũng được hiện lên.

Các template cũng có thể được gán cho những phần khác nhau của site, giống như các module.

Nếu bạn có nhiều template được cài đặt trên hệ thống Joomla, bạn có thể điều khiển ngay chúng một cách thuận lợi. Bạn có thể gán một template cho một (hay nhiều) trang đặc biệt từ than công cụ.

Khi bạn chọn một template để gán, bạn sẽ được thấy một danh sách các trang để chọn. Bạn có thể chọn nhiều trang từ menu và gán chúng cho một template. Khi gán xong, template sẽ hiện khi người dùng click vào những trang này. Nó sẽ đề lên template mặc định.

Nếu bạn muốn xóa một template đã được gán từ một (hay nhiều) trang, chọn lại template đã được gán (bằng nút radio), rồi click biểu tượng “Assign” trên thanh công cụ. Bây giờ bạn có thể chọn những item bạn không muốn gán cho template này hay khác, hoặc click “None” để xóa hoàn toàn việc gán cho template này.

Template Manager cũng cho phép bạn chuyển đổi qua lại template mặc định (dùng nút Default) sẽ xuất hiện trên tất cả các trang mà không có gán đặc biệt nào.

CHÚ Ý : Cả template gán và template mặc định sẽ bị gạt qua một bên bằng Template Selector module, nếu có dùng.

Để biết cách cài đặt và tháo bỏ cả những Site Template và những Administrator Template, click vào liên kết Help Screen này

Install/Uninstall a Language or Template

Để biết cách chỉnh sửa và xuất bản cả những Site Template và những Administrator Template,



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

lick vào liên kết Help Screen này.

Template Manager

CHÚ Ý :Những Administrator Template có thể bật tắt được bằng cách nhấn biểu tượng “Publish”.

Chúng không thể gán cho những trang trong Administrator.

Module Positions và Positions Preview :

Trang Module Positions cho phép bạn nhập vào những chi tiết về những vị trí module bạn đã dùng trong template của bạn. Tất cả những vị trí module mặc định luôn sẵn sàng được nhập và nhìn chung không chắc rằng bạn cần thay đổi nó

Bạn cần những vị trí không có trước trong cài đặt mặc định Joomla, bạn đơn giản chỉ cần thêm một tên của module position và một phần mô tả, phần mô tả là tùy chọn.

Một khi bạn đã nhập vị trí thêm nào đó bạn đã tạo, click biểu tượng “Save” trong Toolbar và những thay đổi bạn làm sẽ nhập vào Joomla. Bạn có thể gán ngay những modules vào những position (vị trí) mới vừa tạo trong Module Manager. Địa chỉ cơ bản chèn vào template của bạn (templates/ten-template-cua-ban/index.php) để có thể gán được vào những vị trí cụ thể :

... Khi từ “position” được đổi để bất cứ vị trí nào cũng được định nghĩa trên trang. Để biết các kĩ thuật cao cấp hơn, xin xem hướng dẫn Developer.

Nếu bạn muốn mượn tượng Template của bạn với những khối hiển thị “Positions” dùng trong việc gán template cho Home page (trang chủ), click “Site Preview Inline with Position”.

Để biết về những Position Module khác, hãy lick vào đường link Help Screen.

Module Positions

```
<?php mosLoadModules ( 'position' ); ?>
```



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 9: TRASH MANAGER – QUẢN LÝ THÙNG RÁC

Trash Manager:

Cơ bản, Trash Manager phục hồi hay xóa những item mà bạn đã bỏ đi, gần giống hệ thống Recycle Bin (thùng rác) ở nhiều hệ điều hành.

Bạn có thể chuyển Content, Category, Section hay những Menu Item vào Trash Manager bằng cách click biểu tượng “Trash” trên Toolbar. Với Trash Manager bạn có thể hặc phục hồi item lại nơi nguyên thủy của nó hay xóa nó vĩnh viễn.

Đây là mục đích bảo mật vì thế đừng vô tình xóa vĩnh viễn một item. Khi bạn chọn những item để xóa, bạn nhận được một thông điệp yêu cầu bạn chắc chắn muốn xóa những item vĩnh viễn khỏi

Trash Manager hay không.

Trong Trash Manager, bạn có 2 thẻ tab:

- Content Items
- Menu Items

và 2 tùy chọn :

- Restore (phục hồi)
- Delete (xóa)

Restore – phục hồi :

Bạn có thể phục hồi số lượng bất kì item nào trong một lần. Chỉ đơn giản chọn kiểm những item để phục hồi, rồi click biểu tượng “Restore”. Bạn sẽ nhận được một yêu cầu nhắc nhở bạn có muốn tiếp tục hay không. Click “YES” và item được phục hồi vào section và category gốc của nó như một item đang unpublish (thôi xuất bản).

Delete – xóa

Bạn có thể xóa một số lượng bất kì những item trong một lần. Chỉ đơn giản chọn kiểm những item định xóa rồi click biểu tượng “Delete”. Điều này sẽ đưa bạn đến một trang xác nhận việc



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

xóa. Tại đây bạn sẽ nhìn thấy số lượng item bị xóa và tên của chúng. Nếu bạn muốn bạn có thể click biểu tượng “Cancel” hoặc click hộp “Delete”.

Khi bạn click vào hộp “Delete”, một yêu cầu cảnh báo cuối cùng xác nhận và những ghi chú cho bạn item sẽ bị xóa vĩnh viễn.

Điều này sẽ xóa thực sự item vĩnh viễn khỏi cơ sở dữ liệu, và cho phép khôi phục sau này. Sự phục hồi những item này sẽ không thể thực hiện từ cơ sở dữ liệu Joomla, trừ khi bạn có một bản sao lưu ở đâu đó.

CHÚ Ý : Nếu bạn xóa một Mambot, Component hay Module, bạn không thể tìm lại nó qua Trash Manager.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 10: MANAGERING USERS – QUẢN LÝ NGƯỜI DÙNG

User Groups (nhóm người dùng) và Access Control (điều khiển truy cập) :

Joomla có hai hệ thống phân cấp nhóm người dùng (user group) chính: một để truy cập Front-end (vì những user có thể log in và web site và xem những phần hay trang được chỉ định) và một cho truy cập Back-end Administrator .

Các nhóm được cung cấp mặc định là :

Public Front-end (mặt trước dùng chung)

| - Registered (đã đăng kí)

| - - Author (tác giả)

| - - - Editor (người biên tập)

| - - - - Publisher (người xuất bản)

Public Back-end (mặt sau dùng chung)

| - Manager (người quản lý)

| - - Administrator (người quản trị)

| - - - Super Administrator (siêu quản trị)

Registered Group – nhóm đăng ký :

Những User (người dùng) này có thể login (đăng nhập) vào Front-end của site. Những thông tin cộng thêm (những section và trang) có thể được dùng bởi các user đã đăng nhập. Nói chung, quyền truy cập được cung cấp cho một nhóm cha (như Registered) được thừa kế bởi những nhóm con (như Author) trừ khi được định nghĩa cụ thể bởi Super Administrator.

Author Group – nhóm tác giả :

Những User này được cho quyền truy cập để đệ trình nội dung mới (content) và chỉnh sửa nhưng content item/page của họ bằng cách login vào Front-end.

Editor Group – nhóm biên tập :

Những User này được cho quyền truy cập để đệ trình và chỉnh sửa content bất kì bằng cách



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

login vào Front-end.

Publishers Group – nhóm xuất bản :

Những user này được cho quyền truy cập để đệ trình, chỉnh sửa và xuất bản (publish) content bất kì bằng cách login vào Front-end.

Về thông tin những nhóm người dùng Administrator, xem phần Administrator login (đăng nhập Administrator). Những content, những menu, những module và những component có thể được gán một tham số điều khiển truy cập. trong phạm vi này chỉ có hai khả dụng : Public và

Registered. Nghĩa là bất kì cái gì được gán với quyền truy cập Publish có thể được xem hay hoặc truy cập bởi những khách thăm nặc danh. Bất kì cái gì được gán với quyền truy cập là

Registered có thể được xem hoặc truy cập bởi bất kì người nào login vào site trong Front-end và là một loại trong số những Registered user : Author, Editor hay Publisher.

User Manager – quản lý người dùng :

User Manager cho phép bạn thêm, sửa và xóa những user.

New User – thêm người dùng mới:

Có hai cách mà các User có thể được tạo trong site của bạn. các visitor (khách thăm) có thể tạo một tài khoản cho chính họ bằng cách đăng kí thông qua biểu mẫu đăng nhập, hoặc bạn có thể thêm những user của mình nếu bạn muốn một nhóm được chọn thăm site của bạn hoặc những trang content được chọn

User Groups – những nhóm người dùng:

Những nhóm khả dụng được tập chung lại nhưng có nhiều cấp độ điều khiển truy cập khác nhau.

Nhóm “Public Front-end” và nhóm “Public Back-end” là những nhóm chứa đơn thuần trong giai đoạn này. Chúng không đóng góp vào xung đột hệ thống điều khiển quyền truy cập trong tương lai, chúng sẽ định nghĩa những cấp độ truy cập mặc định cho những user nặc danh trong những hệ thống Font-end và Back-end.

Có bốn nhóm Font-end khả dụng :



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Registered - Nhóm này cho phép user đăng nhập vào giao diện Front-end.

Author - Nhóm này cho phép user tạo content, thường thông qua liên kết trong User Menu.

Editor - Nhóm này cho phép user tạo và sửa content item bất kì từ Front-end.

Publisher - Nhóm này cho phép một user tạo, sửa và publish (xuất bản) content item bất kì từ Front-end.

Có ba nhóm trong phần Administration được cho phép truy cập vào Joomla :

Manager - Nhóm này cho phép truy cập vào việc tạo content và thông tin hệ thống khác.

Administrator - Nhóm này cho phép truy cập vào hầu hết các chức năng quản trị.

Super Administrator - Nhóm này cho phép truy cập vào tất cả các chức năng quản trị.

Để biết cách quản lý, thêm và sửa danh sách User đăng kí của bạn, lick vào liên kết Help Screen này.

User Manager: Add and Edit Users

User Registration Activation – kích hoạt đăng kí người dùng :

Mặc định khi một visitor muốn đăng kí một account (tài khoản) với site, họ được nhắc điền Name (tên), Username (tên đăng nhập), Email và Password. Khi visitor đệ trình những đòi hỏi của việc đăng kí, tài khoản được tạo nhưng user không thể login cho tới khi được kích hoạt. Một Email với liên kết kích hoạt được gửi đến địa chỉ Email được cung cấp bởi visitor. Khi email được nhận, user sẽ click vào link kích hoạt, account sẽ được kích hoạt và user sẽ có thể log in.

Chức năng này có rất nhiều thuận lợi :

- Nó kiểm tra sự tồn tại của visitor và tính hợp lệ của địa chỉ Email.
- Nó cung cấp cho người dùng khả năng chọn lựa password khi đăng ký
- Cho Administrator của Site có cái nhìn tổng thể về các tài khoản active (kích hoạt) và non-active) không kích hoạt. Một tài khoản không kích hoạt sẽ hiện như được khóa và chưa bao giờ singin. Dễ dàng theo dõi và xóa bỏ.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Tùy chọn cho Registraton Activation được xây dựng trong Global Configuration dưới thẻ tab Site. Xem tùy chọn “Use New Account Activation”. Nếu bạn hủy chọn kích hoạt user, visitor có thể login ngay lập tức sau khi họ tạo một tài khoản.

Cũng có một tùy chọn là “Require Unique Email”. Khi được chọn, tùy chọn này sẽ bảo đảm một địa chỉ email chỉ có thể đăng kí duy nhất một tài khoản.

The Special User Parameter – tham số User đặc biệt :

Bất kì user nào được tạo như Author, Editor, Publisher, Manager, Administrator hoặc Super Administrator được xem như một Special User (user đặc biệt). người quản trị cho họ quyền truy cập để đệ trình tin tức, bài viết, FAQ’s hay các Link (liên kết). Những Special User chỉ duy nhất có thể truy cập đến một item với một tham số truy cập “Special”

Nó đặc biệt hữu dụng khi xuất bản User Menu Module. Toàn bộ module có thể được ẩn với bất kì user là “Public” hoặc “Registered” nào bằng quyền truy cập đặc biệt là “Special”

Để cấu hình, vào Administrator Menu (trong bảng điều khiển quản trị) và chọn những Module trong thanh menu, rồi click “Site Modules”. Rồi click kép vào “User Menu” để chỉnh sửa. Bây giờ chọn lựa cấp truy cập : “Special”

Bạn cũng có thể quyết định chỉ có một vài item của User Module được cấu hình với truy cập “Special”. Một user “Registered” có thể truy cập đến menu “Details” nhưng không vào được “Submit News”, “Submit Web Link ?” hoặc menu “Check-in My Items”.

Để có kết quả hợp lệ , User Menu Module nên cấu hình với một cấp độ truy cập “Registered” và menu cụ thể với cấp độ truy cập “Special”. Cách thích hợp để cấu hình nhưng menu của User Menu, vào Administrator Menu và chọn Menu trên thanh menu, click “User Menu”.

Cụ thể cho mỗi mục cấp độ truy cập được đề nghị.

Kết quả việc cấu hình cuối cùng này là chỉ những user nào bạn định nghĩ là “Special” có thể thấy được các Menu liên quan và biểu mẫu đệ trình Fron-end, trong khi những user “Registered” có thể truy cập chỉ “Details” của họ và những user “Public” có thể thấy menu ở bất kì đâu.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 11: QUẢN LÝ MENU

Điều hướng và truy cập content (nội dung) trong site của bạn được cung cấp thông qua các menu. “Menus” trong Joomla là nhóm những liên kết đến các Section, category, content item, component hay những trang bên ngoài. Những liên kết này được gọi là “Menu Items”. Mỗi menu phải có một tên xác định dùng duy nhất trong nội bộ Joomla. Một menu chỉ trở nên thấy được trên site nếu nó có một module mod_mainmenu được publish (xuất bản) mà thâm chiếu đến nó.

Một menu trong Joomla được định nghĩa bằng 4 kiểu tham số.

2 tham số được truy cập thông qua Menu Manager :

- Menu Name (cái này là tên xác minh được dùng trong Joomla để định danh menu này

với một mã địa chỉ. Nó phải là độc nhất. Nó được khuyến khích không dùng khoảng trống trong tên vì tên này không hiện trên site)

- Menu Items (các mục menu) kết hợp với một menu liên quan. Có nhiều liên kết đến

những loại content khác nhau trong site. 1 tham số có thể được tạo thông qua Menu Manager và có thể được thay đổi trong “Modules

Manager [site]”: Modules Site Modules:

- Module Title (tiêu đề của Menu Module mod_mainmenu vì nó sẽ xuất hiện trên trang nếu bạn chọn hiện nó). Mỗi menu đã tạo trong Joomla chỉ nhìn thấy được thông qua một module (một module trong Joomla là một cái để chứa mà có thể được hiển thị bất kì đâu template site của bạn cho phép nó)

Một loạt những tham số liên quan đến chính Menu Module:

- Chúng được truy cập thông qua “Modules Manager [site]”: Modules AE Site Modules.

Những thông số cần được chỉnh sửa trong module là Title (tiêu đề), Position (vị trí) của menu trên trang, Access (truy cập), Publishing (xuất bản), Menu Name (tên menu) (đã định nghĩa trong Menu Manager được kết hợp với module này), Style (kiểu cách), cái mà những trang bạn muốn menu hiển thị lên, v.v.

Chú ý: Nếu nhiều bản sao của Menu Module kết hợp với cùng Menu đã tồn tại và tất cả đều



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

được xóa, nó sẽ không xóa Menu vì được định nghĩa trong Menu Manager (bao gồm cả những Menu Item của nó)

Module: Main Menu and other Menus

Điều này có nghĩa là bạn có thể có một Menu kết hợp với những Menu Module khác đang hiển thị cùng những Menu Item

Menu Manager – quản lý menu :

Vào Menu : Menu Manager.

Có một danh sách những Menu đang tồn tại được định nghĩa sẵn trên site của bạn

Menu Manager

Thêm/sửa Menu Items : Bạn có thể thêm những Menu Item cho mỗi menu đang hiển thị trên trang danh sách Menu Manager. Từ cửa sổ Menu Manager, click biểu tượng dưới đầu Menu Item cho Menu bạn muốn sửa, hay một lựa chọn khác là vào Menu Menu-bạn-chon-để-sửa (tất cả Menu có một liên kết trực tiếp đến chức năng này trong menu đổ xuống) Một Menu Manager [menu-bạn-chon-để-sửa] cửa sổ sẽ hiển thị, với một danh sách tất cả Menu Item liên quan đến menu này.

Mỗi Menu Item hoạt động độc lập với những Menu Item khác, vì vậy việc thay đổi những thông số của một item không ảnh hưởng việc hiển thị hay các tham số của các Menu Item khác.

Thêm một Menu Item:

1. Click vào biểu tượng “New” trên toolbar. Nó mở ra một cửa sổ Menu Item với một danh sách của những Loại Menu Item và mô tả của mỗi cái trong chúng thông qua một cái rê chuột lên biểu tượng thông tin.

Menus: New Menu Item

2. Một lần chọn lựa được tạo và biểu tượng “Next” được click, một cửa sổ mở ra với tên

Menu Item :: loại-liên-kết-được-chọn. Cửa sổ Menu được chia làm 2 phần chính: “Detail” và những tham số. Những điều này thay đổi chức năng của các loại Menu Item được chọn. Vài tham số “Detail” có thể cũng được sửa thông qua danh sách Menu Manager vì được định trước dưới Đầu đề. Vài tham số có thể chỉ hiển thị sau khi click biểu tượng “Apply” (hoặc biểu tượng “Save”, nhưng điều này không thuận tiện vì bạn phải sửa lại Menu Item Link từ Menu



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Manager).

Menus: Edit Menu Item

Đây là danh sách những Menu Item khả dụng :

Content – nội dung :

Blog - Content Category (bản ghi nhanh - loại nội dung)

Blog - Content Category Archive (kho lưu loại nội dung)

Blog - Content Section (phân loại nội dung)

Blog - Content Section Archive (kho phân loại nội dung)

Link - Content Item (liên kết - mục nội dung)

Link - Static Content (nội dung tĩnh)

List- Content Section (danh sách – phân loại nội dung)

Table - Content Category (bảng – loại nội dung)

Components – những thành phần :

Component

Link - Component Item (mục thành phần)

Link - Contact Item (mục liên hệ)

Link – Newsfeed (dẫn tin) Table - Contact Category (bảng - loại liên hệ)

Table - Newsfeed Category (loại dẫn tin)

Table - Web Link Category (loại liên kết web)

Link – Liên kết:

Link - Component Item

Link - Contact Item

Link - Content Item



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Link - Newsfeed

Link - Static Content

Link - Url

Miscellaneous – Linh tinh:

Separator / Placeholder (ngăn tách/giữ chỗ)

Wrapper (bao bọc)

Chương 12: Quản lý Home Page (Trang Chủ)

Dùng Frontpage Component

Trước hết , chúng tôi sẽ giải thích khái niệm chung về Home Page và FrontPage Component trong Joomla nhiều người dễ nhầm lẫn hai khái niệm này.

Home page (trang chủ) :

Một cách hiểu về khái niệm “Home Page” là nơi mà user bắt đầu. Khi một visitor đánh địa chỉ

URL trang web của bạn, www.athena.edu.vn hay khi họ đến từ một site khác, “Home Page” thường là trang đầu tiên họ thăm. Home page tự nó là một item được publish đầu tiên trong “mainmenu” section của Menu Manager.

CHÚ Ý: “Home page” của bạn thì giống như “Front page” (trang đầu). Ngay cả nếu “mainmenu” Module KHÔNG được publish, “Home page” cũng sẽ vẫn hiển thị Menu Item trên đầu của danh sách “mainmenu” của những Item.

FrontPage Component:

FrontPage Component sẽ publish những content vào Home page (miễn là FronPage Component là Menu Item đầu tiên trong Main Menu). Bạn có thể gán Content Item bất kì vào Home page bằng cách đặt dấu kiểm vào thông số “FrontPage” trong trang “Edit” Content Item (trong Back-end cũng như Front-end).

Cấu hình mặc định đặt liên kết đến “FrontPage Component” tới item được publish đầu tiên trong “mainmenu” menu. Nhưng với component bất kì khác, nó có thể đặt ở bất kì đâu trong các menu của bạn.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Sửa hay tạo một liên kết đến FrontPage Component trong menu bất kì:

Có 2 cách tạo liên kết:

Vào Menu Manager -> [menu-bạn-muốn-sửa].

1. Tạo “Component” Menu Item và chọn “FrontPage Component” trong menu đổ xuống (Xem chương Menus). Các chi tiết và các Thông số để chỉnh sửa được mô tả ở dưới.
2. Tạo một Link-Component Item và chọn FrontPage Component trong menu đổ xuống. Nó thêm một liên kết đến FrontPage Component mà từ động tham chiếu đến những thông số gốc được định nghĩa trong menu Component. Bạn KHÔNG thể sửa các thông số cho loại liên kết này. “Link-Component Item” hữu dụng nếu bạn muốn FrontPage Component xuất hiện nhiều hơn một menu và chỉ muốn thay đổi các thông số Details cho component trong khi giữ các thông số chung như được định nghĩa trong FrontPage Component Menu Item. Một khi những nét riêng được thêm vào chức năng Details. Nó có khả năng của mở liên kết trong số loại cửa sổ.

Nếu bạn chưa định nghĩa các thông số cho “Component” FrontPage Component Menu Item, những thông số mặc định sẽ được dùng thay thế.

Để biết thêm về FrontPage Component Menu Item, click vào liên kết Help Screen này.

FrontPage Component Menu Item

Dùng FrontPage Component khi cấp tin cho site: Nếu bạn muốn cấp tin cho site, nguồn tin bạn cung cấp được lấy từ những mục tin được gán trong FrontPage Component như được liệt kê trong FrontPage Manager, Cho dù nếu component KHÔNG được gán cho Home Page hay module không được publish. Các thông số hiển thị đều có khả dụng bằng cách chỉnh sửa “Syndicate” component.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 13 : TẠO/SỬA VÀ QUẢN LÝ CONTENT (nội dung)

Content của site Mambo (Joomla) được quản lý trong những Content Manager khác nhau tại menu Content trên thanh Menu ngang. Là : Content by Section (loại nội dung), All Content Items (tất cả các mục tin), Static Content Manager (quản lý nội dung tĩnh), Section Manager (quản lý Section), Category Manager (quản lý Category), Frontpage Manager và Archive Manager (quản lý kho lưu).

Content by Section:

News Section – loại tin tức :

Trong cài đặt mặc định, News section chứa một category đơn, gọi là Latest News (tin mới).

Những category thêm vào có thể được thêm bằng cách dùng Category Manager. Một News item cũng giống như bất kỳ content item nào khác về cấu trúc (title – đầu đề, intro text – đoạn giới thiệu, main body text – đoạn chính). Những item đang publish trong News section có nghĩa rằng chúng đang được hiển thị trong những Latest News module (xem phần Modules) mà chúng điều khiển cách những content item được hiển thị.

Category Manager

Newsflash Section – loại điểm tin:

Trong cài đặt mặc định, Newsflash section chứa chỉ một category, cũng được gọi là Newsflash. Những category thêm vào bằng cách dùng Category Manager. Một Newsflash item cũng giống những content item khác về cấu trúc (title, intro text và main body text). Những item đang publish trong những Newsflash section có nghĩa là chúng đang được hiển thị trong những Newsflash module (xem phần Modules) cái mà điều khiển cách những content item được hiển thị.

Static Content Manager – Quản lý Nội dung tĩnh :

Static Content Manager thường dùng để tạo và sửa content đã được phân loại là static – tĩnh (nghĩa là chúng sẽ hiếm khi thay đổi và chỉ Administrator chính của site cập nhật nó). Những Static content được dùng cho những content item mà không khớp vào cấu trúc thường như section/category/item và sẽ không được hiển thị như blog (gần như nhật kí) hay table (bảng)



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

hiển thị trên những trang người dùng của site.

Có nhiều hạn chế khi dùng chứa nội dung như là Static Content:

- Static content không có cấu trúc Section/category – tất cả content đều được chứa cùng cấp.
- Static content không hiển thị trong FrontPage Manager.
- Những Module có thể không gán được cho những trang chứa static content ,và vì vậy, nên chỉ có văn bản trong Static Content nếu có nhưng Module hiển thị nó trên trang (xem phần Modules)

Static Content Manager

Section Manager – Quản lý Phân nhóm :

Section Manager thường dùng để tạo các section cho nội dung của bạn hay sửa những chi tiết của những section có sẵn. Những section sẽ không thể thấy được trên site trừ khi section có một category được publish trong đó và category đó có một item được publish.

Những section được tạo và tình trạng (publish/unpublish) được hiển thị trong Section Manager.

Một section có thể có phần văn bản mô tả và một ảnh kết hợp với nó.

(... screen shot of create section page...)

Section Manager: New / Edit

Category Manager – Quản lý loại :

Category Manager thường dùng để tạo những category cho nội dung của bạn hay để sửa những chi tiết các category đã có. Những category sẽ không thể thấy được trừ khi category nằm trong một section được publish và category phải có một item được publish.

Những category được tạo và trạng thái của chúng (publish/unpublish) được hiện ra trên Category Manager. Một category có thể có một đoạn mô tả và một ảnh có liên quan đến nó.

(...screen shot of create category...)

Frontpage Manager – quản lý trang chính :



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Frontpage Component hiện ra tất cả những content item được publish từ site của bạn và được đánh dấu “Show on Fronpage” (xem phần Tạo các Item để biết thêm). Fronpage cũng giống với một blog content section (phần nhật kí nội dung) với một chức năng đặc biệt. Chức năng đặc biệt là bạn có thể thể hiện content bất kì trong site trên Fronpage mà không cần quan tâm đến content đó thuộc section/category nào. Vì vậy bạn không bị hạn chế chỉ hiển thị được nó trong category liên quan trên Frontpage, như News, nhưng bạn có thể hiển thị những item từ content section bất kì như News, Articles, hay bất kì đâu mà bạn đã publish.

Adding content to the Frontpage:

Để thêm content vào Frontpage bạn phải thiết đặt cờ flag tương ứng trong chỉnh sửa content. Để thêm content vào Frontpage bạn đánh dấu nó trong bảng content tổng quát hay đánh dấu kiểm hợp “Show on Frontpage” với biểu mẫu chỉnh sửa content.

Management of your Frontpage – Quản lý Frontpage :

Chọn Components Frontpage từ menu. Trang này hiện ra cho bạn một danh sách các content item được đánh dấu cho Frontpage.

Manage Items – quản lý mục :

Nhìn chung bạn có thể Publish, Unpublish, Archive (lưu kho), sắp xếp theo thứ tự, và Delete (xóa) những Content Item nằm trong Frontpage.

Configuring the Frontpage – Cấu hình Fronpage :

Bạn có thể cấu hình hiển thị của Frontpage bằng cách chỉnh sửa mục menu kết hợp với nó. Bạn có thể cấu hình :

- Tổng số item được hiển thị trên Frontpage
- Số item hiển thị với đoạn dẫn nhập
- Văn bản hiển thị như là một phần đầu của tất cả các item được hiển thị
- Đoạn văn bản hiển thị nếu không có item nào được hiển thị trên Frontpage
- Thứ tự của những item Frontpage. Để biết thêm về Frontpage Manager, click vào liên kết Help Screen này.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Frontpage Manager

Archive Manager – quản lý lưu kho :

Archive manager chỉ ra tất cả nội dung của bạn mà bạn đã lưu kho (xem phần Content Manager).

Archive Manager cho phép bạn phục hồi hay xóa luôn nội dung được đã được lưu kho.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 14: QUẢN LÝ CÁC COMPONENT

Các component là những thành phần nội dung đặc biệt hay những ứng dụng. Joomla bao gồm một số nhân component và hỗ trợ khả năng tự tăng cường tính năng với component của các hãng thứ ba. Những component được gắn sẵn, cài bao gồm trong Joomla, là một phần của tính năng nhân. Bạn sẽ tìm thấy những component của hãng thứ ba tại Joomla Forge cũng như tại rất nhiều nhà phát triển thứ ba và những site cộng đồng.

Cấu hình và trợ giúp thêm thường được cung cấp với kèm với chính component.

Những component là mô phỏng tự nhiên, điều này làm nó có khả năng tăng cường các chức năng của Joomla trong bất kì hoàn cảnh nào.

Một component đặc trưng giống như Menu item. Những visitor và/hay những user có thể thấy content của component bằng cách click vào liên kết của Menu item này. Nó thường được hiển thị trong vùng nội dung chính của site.

Những component được bao gồm với Joomla là :

- Banners – ô quảng cáo
- Contacts – Liên hệ
- Newsfeeds – điểm tin
- Polls – thăm dò
- Web Links – liên kết web

Install/Uninstall Components, Modules and Mambots

Mô tả những Component được gói với Joomla:

Banner Component – Ô quảng cáo:

Component này cho phép bạn hiển thị những banner (hộp quảng cáo) kế tiếp nhau trên site. Nó cũng cho bạn một vài chức năng cao cấp như quản lý những điểm nhấn và những mã tùy thích.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Những banner có thể hiển thị trên site đơn giản bằng cách publish banner cùng một lần khi nó đã được tạo thông qua tiến trình bên dưới. Nó cũng cần thiết để ghi chú mà những banner có thể được tắt trong Global Configuration (được bật mặc định) và chỗ đặt chúng phụ thuộc vào template được dùng trên site.

Banner Manager – quản lý Banner:

Trong phần này, bạn điều khiển những banner thực sự. Có những quảng cáo đồ họa hay thông điệp xuất hiện tại phần định trước trên site Joomla.

Để biết thêm về quản lý Banner, click vào liên kết Help Screen này.

Banner Manager

Banner Client Manager – Quản lý Quảng cáo của Khách hàng:

Phần này cho phép bạn cài đặt những trương mục cho những khách hàng mà bạn đang dành cho họ quyền được đặt banner vào.

CHÚ Ý : Những banner Flash có thể dụng được với Joomla Banner Component. Để biết thêm về quản lý khách hàng có banner, click vào liên kết Help Screen này.

Banner Client Manager

Contact Manager Component – Quản lý Liên hệ :

Contact Component có thể được tìm thấy trong Admin Section bằng cách duyệt trên thanh Menu để vào menu Componets Contact. Điều này sẽ cho bạn thấy màn hình Contact Manager.

Contact Manager component cung cấp cho bạn khả năng quản lý một danh sách các liên hệ cho site của bạn. Nhưng visitor có thể tìm bạn hoặc những thông tin về tổ chức của bạn bao gồm tên, địa chỉ thư, số điện thoại và số fax. Họ có thể liên lạc với bạn hặc tổ chức của bạn bằng cách điền vào biểu mẫu liên hệ đơn giản và lick biểu tượng “Send”

Bạn có thể có nhiều hơn một contact item (mục liên hệ). visitor của bạn sẽ chọn liên hệ từ danh sách đổ xuống khi họ ở trong tran “Contact Us” trong Front-end của site. Nếu bạn chỉ có một contact thì không có danh sách đổ xuống.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Những ví dụ cho những contact khác nhau là những contact tách rời cho bộ phận bán hàng, bộ phận hướng dẫn hay những bộ phận khác trong tổ chức của bạn, nên tiến trình liên hệ hiệu quả hơn. Dựa trên danh sách tiêu chuẩn, bạn có thể quản lý tất cả contact trong cơ sở dữ liệu của bạn (database). Dùng thanh công cụ (toolbar) để tạo một contact mới, sửa hay xóa một contact. Thông tin trong biểu mẫu contact được tiêu chuẩn hóa. Cho mỗi contact có địa chỉ email, một biểu mẫu contact được từ động tạo. Tất cả những contact đã publish sẽ được hiện ra trong danh sách đồ xuống. Bạn chọn contact mặc định mà sẽ là cài đầu tiên trên danh sách đồ xuống.

Category Manager

Newsfeed Component – (điểm tin):

Những Newsfeed là cách dùng chung tin tức giữa các site khác nhau. Ngày càng nhiều những nhà cung cấp content chia sẻ một phần content của họ qua những RSS newsfeed.

Cách thức chia sẻ này có nghĩa là tạo một tin vắn giới thiệu theo nhà cung cấp muốn và thường có một liên kết đến website của nhà cung cấp. Với một vài ngoại lệ, như trang moreover.com, bạn hiếm khi có được quyền điều khiển trên những newsfeed sẽ được hiển thị, các liên kết, màu sắc v.v. hay nơi những liên kết này sẽ đi tới.

Newsfeed component cho bạn khả năng quản lý những newsfeed đang tồn tại, đặt chúng vào các Category, và cũng có thể thay đổi thông tin liên kết đòi hỏi để nhận được những newsfeed từ những nhà cung cấp khác.

Để chia sẻ content của site bạn bạn có thể tích hợp Newsfeeds module vào template của bạn nơi bạn tạo những tin của chính mình đã sẵn dùng cho những người khác.

Để biết thêm về quản lý newsfeed, click vào liên kết Help Screen này.

Newsflash Component – tin khẩn:

Một Newsflash là một thông điệp động được hiển thị trên site của bạn. Nó thường hiển thị trong một text box (hộp văn bản) để thu hút sự chú ý trên Frontpage của bạn. Nó cho những visitor một mẫu tin nhỏ, như những tin quan trọng. Bạn có thể có một hay nhiều Newsflash item.

Nếu bạn có nhiều, Newsflash component sẽ chọn ngẫu nhiên mỗi lần một trang sẽ được dùng.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Bạn có thể có nhiều Newsflash module thu hút đến nhiều trang trên website của bạn.

Để biết thêm về quản lý, thêm và sử Newsflash item, click vào liên kết Help Screen này.

Poll Component – thăm dò ý kiến :

Component này cho phép bạn quản lý và tạo các poll (cuộc thăm dò ý kiến) khác nhau cho những visitor của bạn. Những câu hỏi bạn hỏi có thể hữu dụng cho những thông tin có mục đích.

Hiện thị các poll trên site:

Sau khi publish poll bạn cần kích hoạt (activate) Polls module. Bạn cũng có thể chọn nơi bạn muốn poll được publish và trang nào. Module cũng sẽ cung cấp một liên kết tới trang hiện những kết quả của poll.

Syndication Component – cấp tin:

Syndication Component thường dùng để publish một “newsfeed” của những content item là “public – công cộng” mà bạn đã publish lên Frontpage trong Front-end của Joomla.

Chỉnh sửa những cài đặt Syndication:

Để sửa những cài đặt Syndication, chọn Components Syndication từ menu trên cùng trong Admin panel (bản điều khiển quản trị). Sửa tất cả các trường thông tin để tùy biến rồi click biểu tượng “Save” tại góc trên phải của màn hình.

Syndication Settings Web Links Component – liên kết Web:

Web Links component là một bộ sưu tập những liên kết như những liên kết yêu thích, liên kết Joomla!, hoặc bất cứ gì mà bạn thích. Component được thiết kế có khả năng đếm số lần click vào mỗi liên kết và những user đã đăng kí có thể đệ trình những liên kết mới từ Front-end.

Sự quản lý Web Links:

Để quản lý Web Links trong menu Administrator, chọn Components AE Web Links. Menu con cung cấp cho bạn hai lựa chọn để quản lý các Link, các Item và các Category. Để biết chi tiết



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

cách cài đặt chúng, kiểm tra những thông tin về cài đặt những category, và những item trong Content Section của hướng dẫn này.

Hiện thị Web Links trong Front-end:

Để hiển thị Web Links trong Front-end, bạn bao gồm component trong cấu trúc menu của bạn.

Bạn cũng phải chắc rằng nó được publish.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 15: QUẢN LÝ CÁC MODULE

Modules thường được dùng để hiển thị những thông tin khác nhau và/hoặc những tính năng tương tác trong toàn bộ site Joomla của bạn.

Một Module có thể chứa hầu như bất kì thứ gì từ những văn bản đơn giản, đến HTML, đến những ứng dụng hoàn toàn độc lập của các hãng thứ ba. Những Module cũng có thể hiển thị nội dung tương tác, như các poll (thăm dò ý kiến), những tagboard, tin mới nhất, tin khẩn và nhiều nữa.

Các Site Module khác với các Administrator Module bởi vì chúng hiển thị những nội dung trong Front-end của site trong khi nhưng Admini Module liên quan đến các tác vụ và/hoặc những tính năng khác nhau của Administrative (hoặc Back-end).

Các Module có thể được tạo bởi bạn (costom/user module) hay được tải về và cài đặt.

Quản lý các module luôn luôn làm trong Administrator (Admin Seciton). Vào Modules Æ Module Manager trên thanh Menu. Ở đó bạn có thể cài đặt/tháo bỏ một module và chỉnh sửa những cấu hình phổ biến như là: tên, những trang nó xuất hiện, vùng đặt nó, và cấp độ truy cập. Từ danh sách chọn module bạn muốn cấu hình.

Module Manager là bộ đầu tiên thiết đặt hiển thị số lượng chính xác module. Tại cuối danh sách bạn có thể thấy một chức năng tổ chức trang, nơi cho phép bạn điều hướng đến bộ cài đặt kế tiếp của các module trong danh sách. Bạn cũng có thể cài đặt số module được hiển thị trên một trang bằng các chọn số trên hộp chọn đổ xuống trên góc trên phải màn hình.

Ở đây bạn có thể tìm thấy một danh sách của tất cả bộ thiết lập mặc định site module khi cài đặt Joomla. Mỗi cái quy chiếu đến một loại module cụ thể được định từ trước. Dưới những tiêu đề danh sách cụ thể được hiển thị những trạng thái của những Module được cài đặt trên hệ thống.

Những Module được xác định bằng một kiểu (ví dụ mod_mainmenu). Nhiều thể hiện của cùng một module có thể được tạo ra bằng cách chép một loại module cụ thể, cho nó một tiêu đề khác và các thông số khác theo nhu cầu của bạn.

Module: Edit

Bạn có thể tạo một module tùy thích với một loại “User” bằng cách click vào biểu tượng “New”.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Đây là một module rất hữu dụng mà bạn thường tạo một Content (content này không liên quan gì đến các Section, Category hay Static Content Item) hay RSS feed. Nó cũng được dùng như một hộp văn bản hay một module ảnh hay thậm chí bao gồm code tùy biến.

Những Site Module sau được gói cùng với Joomla :

Những tiêu đề cho mỗi module là tiêu đề mặc định trong phiên bản Joomla. Những tiêu đề này có thể được đổi tên hoặc dịch cho hợp với nhu cầu của bạn.

- Archive – kho lưu
- Latest News – tin mới
- Login Form – biểu mẫu login
- Main Menu – menu chính
- Popular – ưa chuộng
- Newsflash – tin khẩn
- Who's Online – ai trong mạng
- Polls – thăm dò ý kiến
- Random Image – hình ảnh ngẫu nhiên
- Related Items – mục liên quan
- Syndicate – đăng tin
- Sections – phân loại
- Statistics – thống kê
- User (Custom & RSS Feeds)
- Template Chooser – chọn template
- Wrapper – trình bao bọc

Chương 16: Quản lý Mambots

Mambots là những đơn vị mã chức năng hỗ trợ những hoạt động của Joomla. Chúng có nhiều



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

mục đích và những chức năng khác nhau và được nhóm lại để quản lý dễ dàng hơn. Ví dụ, có nhiều Mambot chỉ hoạt động trong những content item, những cái khác được cung cấp tính năng tìm kiếm v.v. Trong một vài nhóm, một số Mambot có thể được publish một lần, trong khi những cái khác (ví dụ như WYSIWYG editor – trình soạn thảo trực quan) chỉ một cái được kích hoạt.

Thứ tự trong một vài nhóm là rất quan trọng, ví dụ như, trong nhóm content, đầu tiên phải là Image Replacement Mambot – thay thế ảnh (mosimage) (ở đầu danh sách), và sau đó là Pagination Mambot – tổ chức trang (mospaging).

Để biết thêm về cách cài đặt các Mambot, click vào liên kết Help Screen này.

Install/Uninstall Components, Modules and Mambots

Để biết thêm về cách quản lý các Mambot, click vào liên kết Help Screen này.

Mambot Manager

Danh sách sau đây phác thảo những mambot sẵn dùng trong những nhóm khác nhau

Content Mambots – những mambot về nội dung:

Số lượng bất kì các Mambot có thể được publish trong nhóm này. Những mambot này hoạt động trong những Content Item trước khi chúng được hiển thị. Chúng điển hình thay thế phần nào tốc kí {tag} với thông tin khác.

MOS Image - ảnh:

Đây là một Image placement Mambot – sắp đặt ảnh. Những thẻ tag {mosimage} được thay với ảnh mà bạn đã chọn khi tạo và/hoặc sửa một content item. Những thẻ tag được thay thế trên nền hàng đợi. Nếu có nhiều thẻ tag được định nghĩa, những thẻ tag thừa sẽ bị lờ đi. Tương tự, nếu có nhiều ảnh được ghi danh hơn thẻ những thẻ tag, thì những ảnh thừa cũng bị lờ đi.

Mambot này dành cho những người thích làm việc không dùng WYSIWYG Editor (trình soạn thảo trực quan) như một cách thuận tiện để chèn các ảnh vào content item. Những người khác dùng WYSIWYG Editor, vẫn thích dùng mambot này hơn để chèn các ảnh vào thay vì chèn một



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

biểu tượng ảnh trong WYSIWYG Editor. Đây là một sở thích cá nhân.

Legacy Mambot Includer – kế thừa :

Mambot này cho phép để cách trình bày của các Mambot được thiết kế cho phiên bản 1.0 của Joomla!. Nếu bạn không có bất kì những phiên bản trước 4.5.1 Mambot được cài đặt. Mambot này được unpublish an toàn

Code Support – mã hỗ trợ :

Mã hỗ trợ Mambot trả lại bất kì đoạn văn bản nào trong một cặp của thẻ tag {moscode} ... mã ...

{/moscode} như mã PHP

SEF: Search Engine Friendly Mambot (công nghệ tìm kiếm thân thiện) tạo những liên kết trong content tương thích với SEF được cài đặt hỗ trợ. Nó hoạt động trực tiếp trên HTML trong item và không đòi hỏi một thẻ tag đặc biệt.

MOS Rating – đánh giá :

Mambot này cung cấp để bỏ phiếu/đánh giá những content item

Email Cloaking – che dấu email:

Mambot này viết lại tất cả các địa chỉ email với một content item để che dấu (“cloak”) chúng khỏi spambot không được chào đón.

MOS Pagnation – tổ chức trang :

Mambot này ngắt những content item thành nhiều trang và ráp lại thành một bảng những content.

Search Mambots – những mambot tìm kiếm:

Những Search Mambot thêm khả năng để tìm kiếm tất cả những component khác nhau của Joomla. Tìm kiếm cơ bản được cung cấp là:

- Content items – các mục nội dung
- Web Links – liên kết Web
- Contacts – liên hệ



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

- Content Categories – phân loại nội dung
- Content Sections – loại nội dung

Số lượng bất kì những Mambot tìm kiếm có thể được publish tại bất kì lần nào.

Editor Mambots – nhưng mambot soạn thảo :

Những Editor Mambot cung cấp hỗ trợ để có thể cài đặt những WYSIWYG editor.

Chỉ một editor mambot có thể được publish tại một lần. cài đặt này có thể được thay đổi trong trang Site Global Configuration. Tốt hơn là trong trang Mambot manager. Bạn cũng có thể chọn để thôi activate bất kì WYSIWYG editor nào, trả lại cho bạn với một vùng soạn thảo HTML tiêu chuẩn.

Editor Extension Mambots – những mambot soạn thảo mở rộng :

Những Editor Extension Mambot cho phép những điều khiển cộng thêm được bao gồm để chỉnh sửa content. Ví dụ, những biểu tượng được đặt trong hay dưới trình soạn thảo để chèn những thẻ tag {mosimage} và {mospaging} vào content của bạn (I và P) Chương 17: Installers – những trình cài đặt



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 18: MESSAGES – NHỮNG THÔNG ĐIỆP

Một hệ thống Private Messaging (thông điệp cá nhân) cơ bản sẵn dùng để dễ dàng làm những dòng sự kiện và cũng để gửi những ghi chú hoặc những thông điệp tới những Joomla

Administrator khác. Số lượng những thông điệp chưa đọc bạn có được hiển thị trên bên phải của thanh thông tin bên trên nhưng biểu tượng chỉnh sửa. Một số Component cũng sẽ dùng trong Inbox (hộp thư) của bạn để thông báo những sự kiện của bạn như một content mới được đệ trình.

Cái này sẽ hiển thị như một liên kết đến Inbox của bạn khi số thông điệp chưa đọc lớn hơn không. Có 2 mục trong menu này: Configuration và Inbox.

Messages Configuration – Cấu hình Thông điệp :

There are two configurable options available to your Administrator. Use the select box to choose your option: 'Yes or No'.

Có hai lựa chọn cấu hình khả dụng cho Administrator. Dùng hộp chọn để xác định chọn lựa của bạn: Yes hay No (có hay không)

Lock Inbox – khóa hộp thư :

Tùy chọn này cho phép bạn ngăn những Administrator hay tiến trình hệ thống gửi thông điệp cho bạn. Nếu bạn là Administrator duy nhất hay làm việc với một nhóm nhỏ những Admin bạn có thể chọn không dùng chức năng thông điệp cho tất cả. Đây là ý tưởng tốt để bỏ lại những hộp thư mở trong khi bạn thêm những component mới vì nó giúp bạn quan tâm với tiến trình hệ thống.

Mail me on new Message – gửi thư cho tôi khi có thông điệp mới :

Tùy chọn này đưa kết quả trong một email được gửi tới bạn mỗi lần bạn nhận được một thông điệp mới.

Private Messages Configuration

Messages Inbox – Hộp thông điệp :

Private Messaging chỉ được hỗ trợ cho hoặc giữa các user trong một nhóm mà có quyền truy cập vào Admin Section. Biểu tượng “Inbox” có thể được truy cập được tới tất cả 3 nhóm :



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Managers, Administrators, và Super Administrators. Messages Menu chỉ được truy cập tới Super Administrator.

Liên kết Inbox (menu hay biểu tượng) đưa bạn tới một màn hình tổng quan của những thông điệp đã nhận, hiển thị tiêu đề của thông điệp, người gửi, ngày nó được gửi, và trạng thái của nó (đọc hay chưa). Ở đây, bạn có thể đọc những thông điệp cá nhân bằng các click vào tiêu đề của chúng, xóa bất kì cái nào không muốn, và soạn thông điệp mới bằng các click biểu tượng “New” trên thanh công cụ.

Khi gửi một thông điệp mới, bạn sẽ được thấy một menu dropdown để chọn user bạn muốn gửi, và hai trường thông tin cho tiêu đề và thông điệp.

CHÚ Ý : Chức năng này được dự định chỉ cho những thông điệp ngắn.

Để xóa một hoặc nhiều thông điệp, chọn kiểm hộp chọn ở trước chúng, và dùng nút “Delete” trong thanh công cụ.

CHÚ Ý : Những Registered User có thể chọn vô hiệu việc nhận thông điệp khi họ đăng kí hay sửa hồ sơ của họ.

Mass Mail – gửi thư quần chúng :

Trang Mass Mail cho phép bạn gửi một thông điệp bằng email tới một nhóm người dùng hay nhiều hơn.

Group – nhóm : Tạo một lựa chọn từ danh sách. Chọn All User Group để gửi thông điệp tới tất cả user. Chỉ một chọn lựa có thể được tạo từ danh sách này.

Mail to Child Groups – gửi tới nhóm con - Chọn kiểm hộp này nếu bạn muốn tự động bao gồm tất cả các nhóm con của nhóm chọn. Ví dụ, nếu bạn chọn nhóm Editor và chọn hộp này, tất cả user trong nhóm Publisher cũng sẽ được bao gồm vào trong Mass mail.

Subject - Chủ đề : Nhập một chủ đề cho thông điệp

Message – thông điệp : Nhập phần thân của thông điệp. Khi bạn hoàn tất, click biểu tượng “Publish” để gửi thông điệp hay biểu tượng “Cancel” để bỏ ngay thư.

Để biết thêm về cách gửi thư cho các User, click vào liên kết Help Screen này.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Mass Mail Users

CHÚ Ý : Chỉ một user trong nhóm Super Administrator được phép dùng chức năng này.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

CHƯƠNG 19: Global Check-in (Check-in toàn bộ)

Khi một User sửa một file, Joomla đổi trạng thái của nó thành “Checked Out”. Trong thực tế, file bị khóa và chỉ User mà đã check out nó có quyền làm việc với nó. Đây là tính năng bảo vệ để ngăn chặn việc hai User cùng đang sửa một tài liệu tại cùng một thời điểm, theo đó ngăn chặn việc mất mát dữ liệu lúc lưu trữ.

Khi User click vào biểu tượng “Save” hay “Cancel”, file được checked in trở lại. Nếu có một lỗi kết nối, hoặc người user ấn nút Back trên trình duyệt của anh ta, một file có thể đứng lại ở checked out, nghĩa là không ai có thể sửa nó.

Một file vẫn “Checked Out” cho tới khi User click vào “Save” hay “Cancel”, tại thời điểm file “Checked Out”, Tuy nhiên, nếu có một lỗi kết nối hay user ấn nút Back trên trình duyệt, hay User chọn một menu khác mà không lưu hay hủy bỏ công việc đang tiến hành, file vẫn “Checked Out”.

Điều này nghĩa là không ai có thể sửa content item này nhưng người mà “Checked Out” item hoặc Super Administrator. Điều này thường được báo cáo hay được kinh nghiệm vì những User có thể sửa hay truy cập vào những item, và có thể kiểm tra bằng các nhìn vào cột “Checked Out”

trong danh sách file Section, Category, hay Item.

Nếu bạn muốn sửa một item “Checked Out”, bạn sẽ phải yêu cầu tác giả cuối cùng người mà “Checked Out” item để “Check In” item hay yêu cầu Super Administrator để “Check In” item.

Joomla có một giao thức, gọi là “Global Check-in” cho phép một administrator mở khóa tất cả các file hiện thời bị Checked Out.

Để thực hiện “Global Check-in” chọn “System & Global Check In” từ thanh menu Administrator.

Sau khi thực hiện “Global Check-in”, Joomla trả lại một danh sách chỉ ra có bao nhiêu item, và từ những bảng nào, được Checked in trở lại.

Cảnh báo: Cân nhắc thật kỹ khi làm việc này vì bất kỳ ai đang sửa một tài liệu mất rất nhiều thời gian có thể bị mất.

System Info – thông tin hệ thống:

Trang System Info cung cấp thông tin chi tiết về hệ thống mà site Joomla của bạn được triển



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

khai.

Bao gồm thông tin phiên bản của hệ điều hành, MySQL, PHP, Web server, và Joomla. Nó cũng bao gồm những cài đặt PHP có liên quan.

Thông tin trên trang này rất hữu dụng cho những người phát triển Joomla khi họ cố gắng giúp bạn chữa một lỗi với Joomla. Vì lý do này, một thói quen tốt là gửi thông tin này kèm theo với báo cáo lỗi hoặc yêu cầu hỗ trợ đến những forum Joomla.

Thông tin hệ thống có thể lấy bằng cách chọn “Help” từ Administration Menu, “System Information” được hiển thị trong chỉ mục.

Chương 20: General Help - trợ giúp chung

System Info-thông tin hệ thống

Chương 21: Tất cả về các Parameter Tham số

Tổng quan :

Một Parameter là một chức năng cho phép một administrator có khả năng sửa đổi/thay đổi các biến tập mã trong vùng administration panel. Điều này cho phép thay đổi để thực hiện không cần mở và chỉnh sửa bằng tay các tập lệnh PHP hoặc những file cấu hình.

Cách tiếp cận đương chim bay “on-the-fly” này là một cách đơn giản và hiệu quả để thực hiện thay đổi một giá trị trong module, mambot cụ thể hay thiết lập cấu hình. Bằng cách áp dụng thay đổi thông qua một parameter (tham số), bạn tiết kiệm thời gian, công sức và loại trừ đi việc cần thiết phải mở một file mã lệnh, tìm ra các biến cần thay đổi, thực hiện thay đổi, và rồi tải file lệnh đó lên server.

Các Parameter cũng loại bỏ khả năng lỗi chỉnh sửa bằng tay và mang lại một giải pháp cho những người thiếu khả năng thay đổi mã PHP bằng tay.

Những phần parameter trong trong những vùng cấu hình và nội dung khác nhau là một mặt rất quan trọng trong tổng thể cấu hình và quản trị site Joomla. Qua thông số biến cấu hình, chúng ta giải phóng sức mạnh thật sự và sự dễ dùng của Joomla CMS.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Parameters Tab – thẻ tab Parameter:

Thẻ tab các tham số được đặt trong nhiều vùng cấu hình khác nhau bao gồm trong bảng quản trị Joomla nhưng không giới hạn tới những vùng sau đây :

- Mambot
- Site Module
- Administrator Module
- Components
- Menu Managers
- Other Managers

Trong khi một vài module, compnent, mambot, và vùng cấu hình có thẻ tab các thông số hoặc khả năng thay đổi một chức năng mã lệnh, một số khác lại không. Người lập trình trong mỗi thẻ hiện phải lập trình module để nắm được nhưng tùy biến này cho nó khả dụng.

Những ví dụ Parameter :

Dưới đây chúng ta có hai ví dụ. Ví dụ A phác thảo những content parameter và ví dụ B phác thảo component parameter kết hợp với syndicate component.

A: Content Example – ví dụ nội dung:

/ com_content / edit

Những thay đổi có thể làm như sau:

Parameters Tab:

com_syndicate

Những thay đổi có thể làm như sau:

Parameter Control:

- Page Class Suffix: Parameter này cho phép để phong cách hóa trang cá nhân. Bằng cách cho một lớp vào parameter này và sửa CSS của bạn với những thay đổi bạn tạo ở đây, bạn có thể có một cảm nhận và cái nhìn khác cho nhưng trang cá nhân.
- Back Button:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Parameter này cho phép bạn chỉ ra hoặc ẩn đi nút Back mà cho phép trở lại trang trước.

Nút Back thường đặt tại cuối những trang phụ thuộc thiết kế template được dùng.

Page Title:

Parameter này cho phép bạn chỉ ra hay ẩn đi tiêu đề những Item.

I Linked Titles:

Parameter này cho phép bạn tạo tiêu đề item của bạn có khả năng liên kết nếu ở trên Page Title parameter được đặt là hiển thị.

Intro Text:

Parameter này cho phép bạn hiển thị hay ẩn đoạn mở đầu (intro text).

Section Name:

Parameter này cho phép bạn hiện hay ẩn section mà item thuộc về.

Section Name Linkable:

Parameter này cho phép bạn tạo một section text liên kết tới trang section thật.

Category Name:

Parameter này cho phép bạn hiện hay ẩn category mà item thuộc về.

Category Name Linkable:

Parameter này cho phép bạn tạo category text liên kết tới trang category thật.

Item Rating:

Parameter này cho phép bạn hiện hay ẩn độ yêu thích item. Chọn lựa này không phải là một thay đổi toàn bộ site, nhưng cho phép thay đổi được tạo chỉ trong trang cá nhân.

Author Names:

Parameter này cho phép bạn hiện hay ẩn tác giả item. Chọn lựa này không phải là một thay đổi toàn bộ site, nhưng cho phép thay đổi được tạo chỉ trong trang cá nhân.

Created Date and Time:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Parameter này cho phép bạn hiện hay ẩn ngày tạo item. Chọn lựa này không phải là một thay đổi toàn bộ site, nhưng cho phép thay đổi được tạo chỉ trong trang cá nhân.

Modified Date and Time:

Parameter này cho phép bạn hiện hay ẩn ngày chỉnh sửa item. Chọn lựa này không phải là một thay đổi toàn bộ site, nhưng cho phép thay đổi được tạo chỉ trong trang cá nhân.

PDF Icon:

Parameter này cho phép bạn hiện hay ẩn nút xuất PDF item. Chọn lựa này không phải là một thay đổi toàn bộ site, nhưng cho phép thay đổi được tạo chỉ trong trang cá nhân.

Print Icon:

Parameter này cho phép bạn hiện hay ẩn nút in item. Chọn lựa này không phải là một thay đổi toàn bộ site, nhưng cho phép thay đổi được tạo chỉ trong trang cá nhân. Email Icon:

Parameter này cho phép bạn hiện hay ẩn nút gửi email item. Chọn lựa này không phải là một thay đổi toàn bộ site, nhưng cho phép thay đổi được tạo chỉ trong trang cá nhân.

B: Component Example – ví dụ component

Cache:

Parameter này cho phép bạn lưu tạm những file feed.

Cache Time:

Parameter này cho phép bạn thiết đặt bộ đệm để nó sẽ làm tươi sau X giây.

#Items:

Parameter này cho phép bạn thiết đặt số lượng item để cung cấp.

Term

Định nghĩa số hạng

Title:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Parameter này cho phép bạn thay đổi tiêu đề của syndicate.

Description:

Parameter này cho phép bạn thay đổi vùng mô tả của syndicate.

Image:

Parameter này cho phép một ảnh được bao gồm trong feed.

Image Alt:

Parameter này cho phép văn bản thay thế ảnh được hiển thị. (khi ảnh không hiển thị được).

Limit Text:

Parameter này cho phép bạn hạn chế văn bản bài viết theo giá trị định sẵn phía dưới,

Text Length:

Parameter này cho phép bạn thay đổi độ dài từ của văn bản bài viết.

Ví dụ content và component ở trên chỉ ra biến thay đổi mà có thể tạo cả hai chức năng và hiển thị của site Joomla. Dùng những parameter ở trên cho phép thay đổi mà không cần thay đổi mã back-end PHP bằng tay.

Parameter Modification – sửa đổi các tham số :

Trong trường hợp hai ví dụ được chỉ ở trên, bạn sẽ có một nút thông tin lửng đặt bên phải của hầu hết những giá trị parameter quản trị. Tham chiếu tới đoạn mô tả chi tiết về giá trị parameter sẵn dùng bằng các rê chuột lên nút này. Thuộc tính chọn lựa củ mỗi parameter có thể được thay đổi phù hợp với nhu cầu site Joomla của bạn cho mỗi giá trị parameter.

Vì những parameter được đưa ra mà không có một chọn lựa ưu tiên, bạ sẽ tìm thấy một hộp nhập trống phụ hợp với bạn nhất. Để parameter nhập thiết đặt biến bạn sẽ muốn thấy file readme kết hợp kèm theo module, component, v.v. để sự giản giải những tùy hợn đã sẵn dùng cho họ.

Global Configuration Điều khiển những thiết đặt các hoạt động của Joomla. Thay đổi tạo trong



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

màn hình này sẽ được cập nhật vào file configuration.php. File này cần có quyền sửa (writeable) cho bạn để có thể sửa cấu hình của bạn.

Bên phải trạng thái write (có thể sửa) của configuration.php là hộp kiểm tên “Make unwriteable after saving”. Chọn hộp kiểm này sẽ đổi quyền truy cập của file configuration.php thành unwriteable (không thay đổi được) vì những lý do bảo mật.

Thẻ tab Site:

Site Offline - Với thẻ này bạn có thể bật tắt hiệu quả Front-end site của bạn. Dùng lựa chọn này nếu bạn đang nâng cấp các module hay dữ liệu, và không muốn có các visitor thấy site xem site cho tới khi bạn hoàn tất. Nhớ thiết lập lại lựa chọn “Site offline” thành “No” khi bạn đã hoàn thành.

Offline Message - Khi công tắc Site Offline ở vị trí Yes, thông điệp mặc định này sẽ hiển thị trên Front-end cho các visitor biết. "This site is down for maintenance. Please check back again soon." (site này được tạm ngưng để bảo trì, mong sớm trở lại). Bạn có thể đổi văn bản này thành bất kì thông điệp nào bạn thích.

System Error Message - Thông điệp này sẽ hiển thị nếu một kết nối cơ sở dữ liệu bạn đầu bị lỗi.

Bạn có thể nhập bất kì điều gì bạn thích trong hộp này. Chúng tôi đề nghị điều gì thân thiện và lây làm tiếc, tuyên bố site của bạn sẽ có sẵn sàng trở lại càng sớm càng tốt. Bạn có thể dùng cả mã HTML tiêu chuẩn trong hộp này, ví dụ,
 để xuống dòng. Bạn cũng có thể cân nhắc việc thêm một địa chỉ email, như thế những visitor của bạn có thể liên lạc đến System Administrator của bạn hay webmaster.

Site Name - Lựa chọn này cho phép bạn thiết lập nội dung của thanh tiêu đề cho site. Nó cũng có thể được hiển thị trong template của bạn bằng việc chèn mã lệnh sau vào file template của bạn [Joomla_root/templates/template name/index.php] nơi bạn muốn Site Name (tên site) xuất hiện :

```
%%<?php echo $_CONFIG->SITENAME; ?>%%
```

Show Unauthorised Links - Với tùy chọn này được bật, tất cả visitor sẽ thấy content mà họ cũng không thể truy cập, (đó là, content dành cho một cấp độ truy cập Registered hay Special). Với



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

lựa chọn này tất họ sẽ chỉ nhìn thấy content với mức truy cập là Public. Mức truy cập cho Content được chọn lựa dưới thẻ tab Publishing trong màn hình Edit Content.

Tùy chọn này cho phép bạn thiết lập tổng thể các visitor vào site có thể đăng kí một tài khoản user hay không. Nếu nút radio “Yes” được chọn, biểu mẫu Login sẽ gồm câu nhắc “No account yet? Create one”. Nếu nút radio “No” được chọn, chúng sẽ không được thể hiện với với một tùy chọn để đăng kí.

Use New Account Activation - Nếu nút radio “Yes” được chọn, một liên kết kích hoạt sẽ được gửi đến địa chỉ email của user. Những user không thể log in cho đến khi click vào liên kết kích hoạt.

Nếu nút radio “No” được chọn, những user sẽ có thể login thẳng mà không cần kích hoạt.

Email New User Password - Với lựa chọn này được thiết lập là “Yes”, user mới sẽ nhận được một email với một password được tạo bởi Joomla> Nếu nó được thiết lập “No”, những user mới sẽ chọn một password cho chính mình.

Require Unique Email - Chọn bạn có muốn ngăn việc đăng kí với một địa chỉ email sao chép hay không. Kết hợp với việc kích hoạt user lựa chọn này ngăn những user đăng kí nhiều lần dùng cùng một địa chỉ email. Debug Site - Lựa chọn này cho phép bạn xem thông báo lỗi được tạo bằng sử cài đặt site php.

Nó có thể là một công cụ có ích để gỡ rối (debug) nếu bạn gặp vấn đề và để báo lỗi tới System Administrator của bạn hay Web host. Những mức báo lỗi có thể được thiết lập dưới thẻ tab Global Configuration Server, như sau : System Default, None, Simple và Maximum.

WYSIWYG Editor - Chọn những Text Editor (trình soạn thảo) nào được cài đặt mà bạn muốn dùng để soạn các Content Item.

List Length - Chọn độ dài mặc định cho những danh sách trong Administrator (Back-end). Xin LƯU Ý rằng nếu bạn đã thăm trước một trong với một danh sách, thay đổi thiết lập trong Global Configuration sẽ không có thấy được ngay lập tức. Mặc dù, thiết lập bạn chỉ định sẽ có hiệu lực như mặc định ở trên khi login lần tới.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Favourites Site Icon - Điều này thiết lập biểu tượng xuất hiện trong trình duyệt bên cạnh tên hay/và địa chỉ site. Mặc định là bông hoa Joomla. Nếu bạn muốn một biểu tượng khác hiện lên, bạn phải tải lên một biểu tượng khác thay cho bông hoa Joomla. Rồi nhập địa chỉ của ảnh trong trường thông tin này.

Thẻ tab Locale:

Language - Chọn ngôn ngữ mặc định dùng trên site. Nếu nó là một ngữ khác ngoài tiếng Anh, bạn phải cài đặt những file ngôn ngữ trước tiên dùng menu Installer trong Back-end.

Time Offset - Tùy chọn này thiết lập thời gian chênh lệch giờ giữa vùng server và giờ GMT (Greenwich Mean Time – UK). Chọn khoảng thời gian từ menu đổ xuống.

Country Locale - Nhập vùng của web site. Ví dụ en_GB được thiết lập cho UK.

Thẻ tab Content:

Linked Titles - Chọn “Yes”, nếu bạn muốn tiêu đề của content thành một liên kết (link). Chọn “No”, và liên kết “Read On ...” sẽ xuất hiện dưới đoạn văn bản mở đầu (introduction text).

Read More Link - Chọn “Show” để hiện “Read more” tại cuối “Intro Text” của content item.

Item Rating / Voting - Tùy chọn này cho phép bầu chọn cho các content item. Chọn “Yes”, và “Star Bar” (thanh thể hiện độ ưa thích) sẽ hiện trên mỗi content item, cũng như biểu mẫu để trình bày bầu chọn của bạn (rating).

CHÚ Ý: biểu mẫu rating (bầu chọn) không được hiện cho các bài trong những danh sách “Blog”

Author Names - Chọn nút radio “Show”, để cho phép tên tác giả được hiện lên khi một Content Item được hiển thị.

Created Date and Time - Chọn nút radio “Show”, cho phép ngày giờ tạo được hiển thị khi một content item được hiện lên.

Modified Date and Time - Chọn nút radio “Show”, cho phép ngày giờ hiệu chỉnh cuối được hiển thị khi một content item được hiện lên.

Hits - Chọn nút radio “Show” để hiển thị số hit một bài viết/content có được.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

PDF Icon - Chọn nút radio “Show”, để hiển thị biểu tượng PDF maker (tạo file PDF) trên các Content Item khi xem trong Front-end.

CHÚ Ý: Không hiển thị trên tất cả nếu thư mục media của bạn không được writable. Print Icon - Chọn nút radio “Show”, để hiển thị biểu tượng Printer Friendly Version (tạo file in) trên các Content Item khi xem trong Front-end.

Email Icon - Chọn nút radio “Show”, để hiển thị biểu tượng Email Page to Friend (gửi đến bạn bè) trên các Content Item khi xem trong Front-end.

Icons - Chọn nút radio “Show”, khi bạn muốn những liên kết đã ẩn tới Email/Print/PDF thành những biểu tượng hoặc là text.

Table of Contents on multi-page items - Chọn nút radio “Show”, để hiển thị hộp chỉ mục điều hướng Table of Content cho những Content Item nhiều trang. Để tạo những ngắt trang trong Content Item, bạn phải chèn một Mambot ngắt trang, {mospagebreak} dùng trình soạn thảo nơi nào bạn muốn những ngắt trang xuất hiện.

Back Button - Chọn nút radio “Show”, cho phép bạn hiển thị những nút điều hướng Back trên mỗi trang để tạo sự dễ dàng hơn cho những user điều hướng site.

Content Item Navigation - Chọn nút radio “Show”, để publish những liên kết “Next” và “Previous” khi xem những Content Item trong một Category hay để thay đổi những trang trong cùng article
Multi Lingual content support - Điều này cho phép site tận dụng MambelFish component (component tạo site đa ngôn ngữ). MambelFish component phải được cài đặt để nó làm việc.

Thẻ Tab Database:

Cảnh báo: Có nhiều thiết lập rất quan trọng. Nếu site Joomla của bạn đã cài đặt trên lợi ích của bạn thì đừng thay đổi những thiết lập này.

Hostname - Nhập “localhost”. Vài đây là tên Host điển hình.

My SQL Username - Sửa. Nếu cần, username để truy suất cơ sở dữ liệu Joomla của bạn.

My SQL Password - Sửa. Nếu cần, password để truy suất Joomla database.

My SQL Database - Sửa. Nếu cần, tên database mà cài đặt Joomla dùng.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

My SQL Database Prefix - Sửa. Nếu cần, tiền tố dùng cho các record (bản ghi) trong Joomla Database. Điền hình “mos_” là mặc định.

Cảnh báo: **ĐỪNG THAY ĐỔI TRỪ KHI BẠN CÓ MỘT DATABASE XÂY DỰNG DÙNG CÁC BẢNG VỚI TIỀN TỐ BẠN ĐANG THIẾT LẬP !!**

Thẻ Tab Server:

Những mục này được định nghĩa trước trong khi cài đặt và không thể cấu hình thông qua thẻ tab này.

Absolute Path - Đây là danh mục thông tin dùng bởi Joomla trên server để định hướng nó tới hệ thống phụ cận của nó.

Live Site - Đây là địa chỉ URL tuyệt đối (địa chỉ web) cho cài đặt của Joomla.

Secret Word - Đây là từ duy nhất cho mỗi cài đặt Joomla. Nó được dùng cho các chức năng bảo mật. GZIP Page Compression - Chọn nút radio “Yes”, cho phép web server của bạn gửi dữ liệu nén, nếu được hỗ trợ bởi server, tới trình duyệt khác. Điều này có thể giảm đi đáng kể thời gian tải site cho các visitor.

Login Session Lifetime - Nhập số giây một phiên Administrator nên được phép chờ trước khi tự động log out. Sau khi tự động log out, Administrator sẽ phải yêu cầu để log in trở lại dùng username và password đúng.

CHÚ Ý: Nếu bạn đang sửa một Content Item, nhưng chưa lưu lại, với số giây đã chọn, bạn sẽ bị log out tự động.

Error Reporting - Nếu lựa chọn này được cấp phép dưới thẻ tab Site, thì dùng hộp chọn đổ xuống để chọn mức hay hay báo cáo đòi hỏi.

Những tùy chọn là System Default, None, Simple và Maximum

System Default – Nó chuyển Error reporting (báo lỗi) trở về hệ thống mặc định theo php.ini trên server.

None - Tắt báo cáo lỗi.

Simple - Nó chuyển thông báo lỗi thành những lựa chọn đơn giản dùng những tùy chọn sau: error_reporting (E_ERROR|E_WARNING|E_PARSE)



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Maximum - Chuyển thông báo lỗi về mức Maximun (cao nhất) dùng những tùy chọn

sau: error_reporting (E_ALL)

File Creation - Mặc định, những file được tạo bởi sự cài đặt các component, module và mambot

kế thừa các cấp phép mặc định của server. Bằng các chọn “CHMOD new files”, bạn có thể đề lên các cấp phép của server.

Directory Creation - Như với các file, những thư mục mới sẽ mặc định kế thừa những cấp phép mặc định server. Chọn “CHMOD new directories” để đề lên các cấp phép quyền server.

Thẻ Tab Metadata:

Global Site Meta Description - Nhập một mô tả của site dùng để hỗ trợ các Search Engines (công nghệ tìm kiếm). Bạn có thể muốn giới hạn đoạn mô tả của mình có thể là hai mươi từ hay thế nào, phụ thuộc Search Engine bạn đang nhắm. Làm nó ngắn gọn và súc tích với các content của bạn. Bạn cũng có thể bao gồm một số từ khóa và nhóm từ khóa ở đây. Vì một số search engine đọc nhiều hơn 20 bạn có thể thêm một hai câu. Phải chắc rằng những phần quan trọng nhất của đoạn mô tả nằm trong 20 từ đầu tiên.

Global Site Meta Keywords - Số kí tự tối ưu cho đoạn mô tả từ khóa được diễn đạt giữa 300 và 500. Không lặp lại những từ quá chung và tách những từ khóa với một dấu phẩy hay khoảng trắng, hay nhóm hai ba từ với nhau. ‘Joomla Open Source’ là một ví dụ.

Show Title Meta Tag - Hiện thẻ meta tag Title (tiêu đề) trong mã nguồn khi xem nội content.

Show Author Meta Tag - Hiện thẻ tag meta Authors (tác giả) trong mã nguồn khi xem content.

CHÚ Ý: Đoạn mô tả và các thẻ tag Meta từ khóa sẽ là phương tiện để Search Engines lập chỉ mục site. Vài Search Engines hoàn toàn lờ đi Metadata nói chung. Bạn nên làm những nghiên cứu trên Search Engines Optimization (tối ưu tìm kiếm) có thứ hạng cao hay số lượng người Search Engine quan trọng với bạn.

Thẻ Tab Mail: Mailer - Chọn Mailer nào bạn muốn dùng : chức năng mail của PHP, Sendmail hay SMTP Server.

Mail From - Chọn địa chỉ mail nào sẽ hiện lên như là người gửi.

From Name - Chọn tên gì sẽ hiện như là tên người gửi.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Sendmail Path - Đây là thư mục của Mail server.

SMTP Auth - Chọn “Yes” nếu host của bạn đòi hỏi thẩm quyền SMTP.

SMTP User - Nếu thẩm quyền được đòi hỏi và thiết lập ở trên, nhập username của bạn.

SMTP Pass - Nếu thẩm quyền được đòi hỏi và thiết lập ở trên, nhập password của bạn.

SMTP Host - Nó thường được thiết lập là localhost, nhưng bạn cũng cần kiểm tra lại điều này với host của bạn.

Thẻ Tab Cache:

Caching - Chọn “Yes” để cho phép việc lưu tạm những thành phần nào đó trong Joomla. Nó sẽ cải thiện chung chung cách thực thi của site.

Cache Folder - Đây là folder (thư mục) hay danh mục để lưu những file cache (file lưu tạm). Nó phải là writable để việc lưu tạm thực hiện thành công. Liên hệ với Web Master của bạn nếu bạn có bất kì sự khó khăn nào.

Cache Time - Sửa khoảng thời gian lớn nhất, tính bằng giây, để một file cache được lưu trước khi nó được refresh (tải lại).

Thẻ Tab Statistics:

Statistics - Chọn “Yes”, để cho phép trình duyệt và những thống kê domain visitor được tập hợp trên nền các thiết lập trong thẻ tab Content. Nếu nó được thiết lập là “No”, trình duyệt và những thống kê visitor sẽ không được sưu tập. Nếu site của bạn trải qua một sự trì trệ chút ít trong lần đầu tiên một user thăm site thì bạn nên thiết lập nó thành “No”.

Log Content Hits by Date - Chọn “Yes” để cho phép việc ghi lại hit (đánh giá phù hợp) trên các Content Item, trên cơ sở hàng ngày. Hiện có một thường trình phân tích không bao gồm, để bổ xung tính năng ghi chép này.

Cảnh báo: Nó hỗ trợ sưu tập các khối dữ liệu toàn thời gian. Phải chắc rằng không gian server có chỗ để lưu những thông tin này.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Log Search Strings - Chọn “Yes” để làm cho việc ghi chép văn bản tìm kiếm có thể thực hiện, được nhập bởi user. Ghi chép này làm cho điều chỉnh site trở nên thuận tiện, cho bạn một cái nhìn sâu sắc vào cách các visitor cố gắng tìm kiếm điều họ muốn. Báo cáo phân tích được cung cấp dưới Site Statistics Search Text.

Thẻ Tab SEO:

Search Engine Friendly URLs - Nó thay đổi con đường các liên kết site được hiện ra và tối ưu chúng vì những công nghệ tìm kiếm có thể truy suất nhiều hơn site của bạn. Tùy chọn này CHỈ khả dụng tới các site được đặt trên những server Apache. Chọn “Yes” để làm cho Joomla có thể xuất các địa chỉ URL thân thiện hơn những địa chỉ được cơ sở dữ liệu tạo ra các thông thường.

Nếu bạn dùng tùy chọn này bạn phải đổi tên file htccess.txt thành .htaccess. Dynamic Page Titles - Chọn “Yes” để thiết lập những tiêu đề trang (cái xuất hiện trên đỉnh trình duyệt người xem) thành giống tiêu đề trang họ đang xem. Cũng như trước nó trợ giúp các search engine.

CHÚ Ý: Bạn phải “Save” (lưu lại) những thay đổi bạn đã hoàn thành, dùng biểu tượng “Save” trên toolbar (thanh công cụ). Language Manager – Quản lý Ngôn ngữ

Module Class Suffix: một hậu tố được áp dụng cho lớp CSS của module (table.moduletable) để cho phép cá nhân hóa kiểu dáng module.

Mambot : Search Newsfeeds *

Mambot: Search Sections *

Mambot: Search Categories *

Mambot Search Contacts *

Mambot: Search Weblinks *

Mambot: Search Content *



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Mambot: MOS Pagebreak Editor Button *

Mambot: MOS Image Editor Button *

Mambot: FCK Editor *

Mambot: TinyMCE WYSIWYG Editor *

Mambot: No WYSIWYG Editor *

Mambot: MOS Pagination *

Mambot: Load Module Positions *

Mambot: Email Cloaking

Mambot: MOS Rating *

Mambot: SEF *

Mambot: Code Support *

Mambot: Legacy Mambot Includer *

Mambot: GeSHi *

Mambots: New / Edit

Mambot: MOS Image *

Mambot Manager

Mambots 1.0x (22 items)

Administrator Manual

Toolbar Icons:

Save: Click vào để lưu cá tham số đã nhập và trở về Mambot manager.

Apply: click vào để lưu các tham số đã nhập VÀ giữ nguyên cửa sổ đang mở để chỉnh sửa.

Close: click vào để thôi bất cứ thay đổi nào vừa tạo và đóng cửa sổ. Bất kì thay đổi nào đều mất.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Mambot trả về check-in.

Mambot Details:

Name: nhập tên của Mambot như nó sẽ xuất hiện trên danh sách Site Mambots. Nó không được xung đột trên site.

Folder: nó hiển thị category mà Mambot được đặt.

Mambot file: Nó là tên của file Mambot như nó xuất hiện trong folder.

Order: Chọn thứ tự Mambot được liệt kê trong Folder khi lọc bằng category.

Access Level: Chọn ai sẽ có thể xem content này. Public, Registered hay Special.

Published: Chọn hộp kiểm để cho phép Mambot hiển thị trên site hay cung cấp chức năng nó được thiết kế để làm việc.

Description: Nó là đoạn mô tả ngắn cho chức năng của Mambot.

Parameters:

Nếu khả dụng, chúng sẽ được hiển thị ở đây.

Các Site Mambot đã cung cấp trong một cài đặt mặc định của Joomla:

MOS Image:

Các dùng:

{ mosimage }

Mambot này thay chỗ thẻ tag trong content với các ảnh được chỉ. Bạn có thể chèn bao nhiêu tùy nhu cầu trong bài viết của bạn. Làm như vậy trong khi tạo hay chỉnh sửa content item. Chọn các ảnh trong thẻ tab “Image” dưới “MOSImage Control”. Sự thay thế các thẻ tag sẽ theo thứ tự của các ảnh trong hộp “Content Images”

Ghi chú: Thẻ tag được mô tả ở trên không nên có khoảng trắng sau “{” và trước “}”. Hiển thị các khoảng trắng ở đây không thực thi chức năng trong màn hình này.

GeSHi:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Code định dạng hiển thị này trong các content dựa trên kĩ thuật đánh dấu GeSHi. Nó được quan tâm như phiên bản cao hơn của mosCode, cho phép biểu diễn nhiều ngôn ngữ chương trình khác với code được tô màu bằng việc chỉ rõ ngôn ngữ nào được dùng.

Cách dung: Dùng thẻ tag “pre” và thêm ngôn ngữ chương trình bạn muốn dùng cho mục đích nhấn mạnh như một tham số. Ví dụ:

```
< pre lang="xml" >code của bạn ở đây ... < /pre >
```

Phiên bản mambot của mã nhấn mạnh GeSHi đi kèm với các cách nhấn mạnh sau cho các biểu diễn được cài đặt chung nhất, sẵn sàng để dùng:

- CSS => dùng ngôn ngữ ="css"
- Html4 Strict => dùng ngôn ngữ ="html4strict"
- JavaScript => dùng ngôn ngữ ="javascript"
- PHP => dùng ngôn ngữ ="php"
- PHP Brief => dùng ngôn ngữ ="php-brief"
- SQL => dùng ngôn ngữ ="sql"
- XML => dùng ngôn ngữ ="xml"

Bạn có cần các ngôn ngữ thêm không, bạn có thể download gói đầy đủ từ site phát triển:

<http://qbnz.com/highlighter/> bao gồm trên 30 ngôn ngữ. Bạn làm rồi tải lên “newLanguage.php” được yêu cầu từ gói vào thư mục “\mambots\content\geshi\geshi”.

Ghi chú: Như phiên bản 4.5.2.1, bot này có vẻ như có một xung đột nhỏ với Email cloacking mambot.

Legacy Mambot Includer:

Nó hỗ trợ cho những mambot Joomla 4.5 đã lỗi thời. Mambot này mặc định là không publish; Nếu bạn cảm thấy không tác dụng với một trường hợp cụ thể, mambot cũ hơn, hay thử publish nó.

Code Support:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

This displays formatted code in content items. No syntax highlighting. Code presented in Courier.

Nó hiển thị code định dạng trong các content item. Không cú pháp làm nổi rõ. Code trình bày trong font chữ Courier.

Cách dùng:

```
{ moscode }... { /moscode }
```

Ví dụ:

```
{ moscode }<body onload="winManage(850,700,true);"><a  
name="top"></a><div><div id="wrapper"></div></div>{ /moscode }
```

Ghi chú: Thẻ tag được mô tả ở trên không nên có khoảng trắng sau “{” và trước “}”. Trình bày với khoảng trắng ở đây sẽ không thực thi chức năng trong mang hình này.

MOS Rating:

Nó sẽ thêm chức năng Voting (bầu chọn) vào cá Content Item.

Chú ý: Để đầu ra của mambot có thể thấy được, bạn phải thiết lập “Item Rating/Voting:” thành “Show” thông qua Site Æ Global Configuration Æ content. Các User sẽ được thể hiện với một hệ thống phân loại từ 1 đến 5 ở đỉnh của một content item đầy đủ. Chúng có thể thắng bầu chọn của chúng (một cái).

Email Cloaking:

Nó ẩn tất cả các e-mail trong content khỏi spambots dùng javascript. Nó không hoạt động thể cho Link – URL Menu Items. Bằng cách chỉnh sửa mambot, bạn có thể chọn giữa 2 thiết lập dưới

Parametars Mode:

- Nolinkable Text sẽ hiển thị một email được nhập bởi user như text đơn giản (không liên kết)
- As Linkable mailto address sẽ hiển thị địa chỉ email như một liên kết để gửi một email, dùng một địa chỉ cụ thể.

Như phiên bản 4.5.2.1 có nhiều cách địa chỉ được viết:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

3. text thô: mail@mail.com

4. Như một mailto: mail@mail.com

Mặt khác việc dấu thể hiện địa chỉ khỏi giải mã khi gọi gói thư. như phiên bản 4.5.3 CVS, bambot sẽ được chấp nhận: Some text

Load Module Positions:

Nó tải các vị trí module trong Content.

Cách dùng: {mosloadposition user1} nơi “user 1” trong một trong các vị trí đã định nghĩa cho site thông qua Site Templates Modules Positions.

Nghĩa là bạn có thể tải module bất kì được gán cho vị trí này tại mọi cụ thể này vào Content của bạn không định nghĩa vị trí tới file Template index.php.

Các tham số cho phép bạn chọn kiểu dáng code HTML để chèn vào module:

- Wrapped by Table - Column
- Wrapped by Table - Horizontal
- Wrapped by Divs
- No wrapping, raw output

MOS Pagination:

Nó sẽ thêm một Bảng của chức năng Content vào item được ngắt trang.

Cách dung: { mospagebreak } hay { mospagebreak title=The page title } hay { mospagebreak heading=The first page } hay { mospagebreak title=The page title&heading=The first page } hay { mospagebreak heading=The first page&title=The page title }

Một lớp CSS “contenttoc” mới được dùng để hiển thị bảng Contents này.

Chú ý: các thẻ tag được mô tả ở trên không nên có khoảng trắng sau “{” và trước “}”. Hiện thị với khoảng trắng với cá khoảng trắng ở đây không hoạt động chức năng trong màn hình này.

Parameters:

Site Title: nó cho phép bạn thêm hay không tiêu đề mambot và quy các thuộc tính cho Site Title

Tag. No WYSIWYG Editor:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Nó tải trường nhập text cơ bản ở bất kì đâu bạn có thể chỉnh sửa content.

TinyMCE Editor:

Nó tải trình soạn thảo WYSIWYG mặc định vào bất kì đâu bạn có thể chỉnh sửa content.

MOS Image Editor Button:

Nó cung cấp nút để chèn thẻ tag MOS Image vào hộp chỉnh sửa content.

MOS Pagebreak Editor Button:

Nó cung cấp nút chèn thẻ tag { mospagebreak } vào hộp soạn thảo content.

Search Content

Search Weblinks

Search Contacts

Search Categories

Search Sections

Các Mambot này cho phép tìm kiếm trong số các item này, nếu chúng được publish (mặc định).
Mambot Manager

Các mambot về bản chất là các đoạn mã mà khi gọi thông qua nhiều tham số kích hoạt một chương trình, đoạn mã hay thực hiện một chức năng cụ thể. chúng có thể đơn giản như một chức năng thay thế đoạn text nhập vào với code (như nhập vào để hiển thị một ảnh trong một content item) tới các thư viện chính thức của hãng thứ ba (như các trình soạn thảo WYSIWYG hay các chương trình khác).

Các chức năng chi tiết cho các mambot mặc định được tìm thấy ở đây:



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Mambots: New/Edit

Các mambot được chia thành 4 loại/mục có thể được hiển thị bằng việc lọc trong các trường lọc:

- content
- editors
- editors-xtd
- search

Toolbar Icons:

Chọn một Mambot bằng cách click vào hộp kiểm cạnh tên của nó.

Publish/ Unpublish: click biểu tượng để publish hay thôi publish Mambot.

New: Click “New” để tạo một Mambot mới. Rồi điền vào các trường được liệt kê.

Edit: Click “Edit” để thay đổi các thiết lập như được mô tả.

Delete: click “Delete”. Nó sẽ được gỡ cài đặt.

CẢNH BÁO: Nó không thể được truy hồi. Các mambot đã xóa không thể được phục hồi như “Menu Item” hay “Content Item” có thể. Nếu bạn đã xóa một Mambot và bạn muốn dùng lại Mambot, bạn phải cài lại Mambot.

CHÚ Ý: Các mambot thực chất là các hoạt động nhân không thể xóa.

Columns:

Mambot name: Nó liệt kê các tên của các Mambot hiện tại đã cài đặt. Click vào tên để chỉnh sửa bất kì mambot nào.

Published: Nó chỉ ra Mambot có được publish hay không. click lên biểu tượng nếu bạn muốn chuyển đổi trạng thái của nó.

Reorder: click các biểu tượng mũi tên để di chuyển item lên hay xuống trong danh sách. Nó không ảnh hưởng lên Frontend của site. Bạn chỉ có thể thay đổi thứ tự để giúp bạn tổ chức danh sách của các mambot trong Back-end.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Order: Nó chỉ ra thứ tự các mambot trong các mambot liên quan khác cùng loại. Nhập những số mới trong thứ tự bạn muốn các mambot xuất hiện trong Back-end. Bạn có thể thay đổi thứ tự của hai mambot hay nhiều hơn tại cùng một lần. click biểu tượng “Save Order: cạnh đầu cột Order.

Nó không có tác dụng trong Front-end.

Access: Nó hiển thị ai có thể xem hay dùng các Mambot trên Frontend của trang web. Chọn mức truy cập bằng cách click vào liên kết để chuyển đổi qua lại các mức truy cập Public, Registered hay Special. Type: Nó hiển thị loại của mambot. Các loại bao gồm các editor, content, editor-xtd và search.

File: Nó hiển thị tên file các Mambot.

SEO

Credits: Documentation Team

Joomla Team Credits

Glossary

What's New in mambo version 4.5.2

GNU GPL License Guidelines

GNU General Public License

Wysiwyg Editors

Help Screens

Support`

Appendixes

Administrator Manual

1.0x (10 items) SEO

Search Engine Optimisation là một phương thức của việc viết lại các liên kết như một cách để cải thiện điều hướng website bằng kỹ thuật tìm kiếm.

Có vài yêu cầu rất đặc trưng mà phải được đáp ứng nếu SEO làm việc. Hơn nữa, có vài hướng dẫn thay đổi bạn cần áp dụng trong những hoàn cảnh nhất định.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Các điều cần bản:

Tất cả các điều kiện phải được đáp ứng trong thứ tự để SEO chạy.

Bạn phải chạy Apache

Để kiểm tra điều này, vào Joomla administration Æ System Æ System Info. Loại Server được liệt kê cạnh Web Server. SEF sẽ không chạy trong IIS.

Bạn phải có mod_rewrite khả dụng

Để kiểm tra điều này, vào Joomla administration Æ System Æ System Info. Click vào thẻ tab PHP Information. Cuộn xuống tới khi bạn thấy hàng Loaded Modules. mod_rewrite được liệt kê ở đây. Nếu không, yêu cầu web host của bạn kích hoạt mod_rewrite.

Server của bạn phải được phép ghi chồng lên .htaccess

Để kiểm tra việc này, xóa mọi thứ khỏi file .htaccess của bạn và viết một lệnh đơn giản, ví dụ như:

Code:

```
Redirect /google.html http://www.google.com
```

Bây giờ chỉ rõ cho trình duyệt của bạn vào <http://www.yoursite.com/google.html> Nếu nó đưa bạn đến một địa chỉ mới google.com thì bạn OK.

Thiết lập `$mosConfig_sef= "1"` trong configuration.php

Bạn cũng có thể kích hoạt SEF dưới Site Æ Global Configuration.

Đổi tên htaccess.txt thành .htaccess

Nó có thể được thực hiện với chương trình FTP. Chú ý dấu chấm ở đầu! Cũng phải chú ý bạn không thể làm nó trong Windows, bạn phải đổi tên nó trực tiếp trên server.

Nếu Joomla không ở trong thư mục gốc

Nếu Joomla cài đặt không ở trong thư mục gốc. Ví dụ nếu nó ở

www.yoursite.com/yourjoomlasite đúng hơn là www.yourjoomlasite.com. Thì bạn có thể



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

cần thêm dòng sau vào file .htaccess.

Code:

RewriteBase /yourjoomlasite

Với điều kiện bạn đã đáp ứng tất cả các điều kiện và làm các thay đổi được yêu cầu như cần thiết bạn có thể kích hoạt thành công SEO.

Glossary – Thuật ngữ

Admin Templates: Administrator Template định rõ cách trình bày BackEnd của site Joomla.

Alt Tag: Thuộc tính “alt” (thay thế), thường được gọi thẻ tag “alt” là một thuộc tính text được thêm vào thẻ tag ảnh để mô tả ảnh chứa trong thẻ tag. Text này có thể xem thấy (bên trong hộp văn bản) trong hộp hiện lên khi di chuyển chuột lên ảnh trong FrontEnd của một Site.

Archive: Các Content Item có thể được lưu kho và quản lý thông qua BackEnd. Archive Module cung cấp cách hiển thị các item được lưu kho trong site.

Backend: “BackEnd” là Joomla Administrator nơi administrator quản lý site và content của nó.

Blog: Một kiểu Blog trong Joomla là một danh sách của một số hay tất cả Content Item trong một section hay category cụ thể. Chỉ tiêu đề của Content Item, một đoạn mở đầu và liên kết Read More được hiển thị ra. Nó cũng có thể chỉ là một liên kết, hay chỉ hiện đoạn mở đầu với một liên kết tới văn bản hoàn chỉnh. Thông thường trang “New” được viết trong kiểu Blog.

Category: Một Category là tên của một bộ sưu tập các content item được liên quan trong một vài cách. Ví dụ: category “Cá” có thể chứa các Content Item “Cá trích”, “Cá Tuyết” và “Cá Gai”.

Category là một phần của hệ thống cấp bậc Content. Cấp cao nhất được gọi là các Section, cấp kế tiếp được gọi là các Category và cấp thứ ba được gọi là các Content Item.

Check Out (an item): Khi một user chỉnh sửa một file thì họ “Check Out” nó. Nó ngăn cản những user khác không thể chỉnh sửa item tại thời điểm đó, theo đó ngăn cản mất dữ liệu vào lúc thực hiện lưu.

CMT: CMT là những từ đầu của Component, Modules và Templates.

CMTM: CMTM là những từ đầu của Components, Modules, Templates and Mambots.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Components: các Component là các yếu tố content hay các ứng dụng của Joomla thường ở vùng trung tâm của vùng content chính của một template. Nó phụ thuộc vào thiết kế template được dùng. Các Component là các yếu tố nhân của chức năng Joomla. Các yếu tố nhân ấy bao gồm: Banners, Contact, News Feeds, Polls và Weblinks. Các thành viên của cộng đồng Joomla đang cung cấp các component Joomla hằng thứ ba trên cơ sở tiếp tục. Chúng sẵn dùng trên <http://developer.joomla.org> để download miễn phí.

Content Item: Một Content Item là một phần riêng biệt của content trong hệ thống phân cấp Joomla. Một Content Item có thể là một bài viết, một content category, một menu item hay một link. Các Content Item thông thường được đặt trong phần chính của trang. Content Item là phần cuối cùng trong hệ thống phân cấp Section/Category hay nó có thể là một Static Content Item tách rời.

Content Management System (CMS): Một CMS là một phần mềm để quản lý nội dung một site trực tiếp trên server.

CoreJoomla core là một file nén chưa cài đặt tiêu chuẩn chính thức Joomla, có thể được tìm thấy trên <http://developer.joomla.org> và nhiều site khác. Nó chứa một số CMTM's gắn kèm, nhưng có thể mở rộng với các phần thêm của các nhà phát triển thứ ba. Phần mềm core Joomla sẵn dùng để tải về trên <http://developer.joomla.org>.

Database: Một database là một tập hợp tổ chức của thông tin. Nó chứa một tập hợp các record (bản ghi) mà bạn cần tìm kiếm, sắp xếp và phân tích một cách nhanh chóng. Joomla là một phần mềm khai thác database và bạn có thể chỉnh sửa, thêm hay xóa nội dung được lưu trong database của Joomla. Xin xem thêm Record

Elements: Các Element là các phần cài thêm như các component, module, template, mambot hay language để mở rộng cài đặt Joomla. Các element này có thể được gói sẵn trong core hay chúng có thể là các element của hãng thứ ba.

Frontend: FrontEnd là site mà các visitor (hay thành viên) của bạn sẽ thấy. Frontpage: FrontPage là Component cài sẵn để hiển thị tất cả các content item đã publish từ site được đánh dấu với tham số "Show on Frontpage". Bạn có thể cấu hình hiển thị của FrontPage bằng cách chỉnh sửa menu item kêu gọi với nó, thường là "Home" menu item. Sắp xếp thứ tự của các FrontEnd Content Item được thực hiện dùng FrontPage Manager Component.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Global Checkin: Khi một item được “Check Out” và nó không được lưu hay thôi đúng cách (ví dụ: trong trường hợp một lỗi kết nối), nó sẽ để lại trạng thái “Check Out”, và theo đó không thể chỉnh sửa với tất cả user khác. Thực hiện “Global Checkin” sẽ làm các Item này sẵn dùng trở lại. Tùy chọn này chỉ sẵn dùng trong backend admin trong System menu item.

Intro Text: Khi tạo hay chỉnh sửa một Content Item, Intro Text thường chứa một phần mở đầu ngắn. Phần mở đầu này sẽ được nối thêm bởi nội dung trong hộp Main Text nếu bạn đã nhập nội dung vào đây. Khi Content Item được thiết lập để hiển thị trên FrontPage, một liên kết “Read More” sẽ được hiển thị, chỏ đến Content Item đầy đủ. Intro Text và Main Text chỉ được dùng trong các Content Item trong hệ thống phân cấp Section/Category nhưng không dùng trong các Static Content Item.

Item: Một Item là một phần riêng biệt của nội dung trong hệ thống phân cấp Joomla. Một item có thể là một bài viết, một content category, một menu item hay một liên kết.

Main Text: Khi tạo hay chỉnh sửa một Content Item, hộp Main Text chứa văn bản bạn không muốn hiển thị trên FronPage. Nó hiển thị sau khi click vào liên kết “Read On” trong FrontEnd của site.

Mamber: Một Mamber là một tên gọi tổng quát cho những người là một phần của cộng đồng Joomla. Nó là một cách chơi chữ, “member”.

Joomla: Joomla! là một trong những hệ thống quản lý nội dung web nguồn mở tốt nhất khả dụng.

Joomla Administrator: Joomla Administrator là một ứng dụng cho quản trị site Joomla của bạn trực tiếp trên server. Nó đôi khi cũng được quy cho vài từ như Administrator, Backend, Admin Section, Administration Section, hay Control Panel.

Joomla User (hay/và User Group): Các Joomla User có thể được sắp xếp trong nhiều nhóm với các mức truy cập điều khiển khác nhau. Các User group với quyền truy cập tới Frontend bao gồm Anonymous, Registered, Author, Editor và Publisher. Cũng có ba nhóm với quyền truy cập vào Backend: Manager, Administrator và Super Administrator.

Mambot: Một Mambot là một chức năng nhỏ, nhiệm vụ điều hướng sẽ chặn nội dung trước khi



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

nó được hiển thị và thay đổi nó theo một vài cách. Joomla cung cấp một số Mambot trong bản phân phối core. Vài ví dụ như là trình soạn thảo WYSIWYG, component của hãng thứ ba và module searcher, v.v.

Media Files: Các Media file như các file .gif, .jpg, .png hay .bmp có thể được dùng trong các Content Item và được tổ chức thông qua Media Manager. các Media file có thể được bao gồm trong các Content Item thông qua thẻ Image tab trên các trang Edit Content Item, các meida manager bao gồm trong trình soạn thảo WYSIWYG, các component hãng thứ ba, v.v.

Modules: Các Module mở rộng năng lực của Joomla cho phân mền chức năng mới. các Module là các content item nhỏ có thể được hiển thị bất kì đâu template của bạn cho phép nó hiển thị.

Các Module rất dễ cài đặt trong Admin Section. Các Joomla module có thể bao gồm: Main Menu, Top Menu, Template Chooser, Polls, Newsflash, Hit Counter v.v. Các thành viên cộng đồng Joomla đang cung cấp các Joomla module hãng thứ ba trên một nền tảng tiếp tục. Chúng sẵn dùng trên <http://developer.joomla.org> để tải về miễn phí. Newsfeeds: Các Newsfeed là cách chia sẻ nội dung giữa các site khác nhau. Các loại của Newsfeed đang sẵn sàng để hiển thị và sản xuất (các phiên bản RSS, Atom v.v.). Code được cung cấp bởi DOMIT parser. Phương thức chia sẻ này có nghĩa là tạo một phần tin mở đầu trong con đường nhà cung cấp muốn và nó thường có một liên kết tới site của nhà cung cấp.

Joomla đưa ra cho bạn khả năng để cả đưa tin và hiển thị các Newsfeed.

Open Source (OS): Open Source là các gọi tổng quát mô tả nhiều phần của hoạt động Free Software Licende. Tất cả mã nguồn của Joomla là nguồn mở và có thể đọc được và thay đổi được bởi user bất kì.

patTemplate: patTemplate là một hệ thống trong Joomla để giúp tạo các Joomla site Template

Parameters: Các Parameter có thể được dùng để thay đổi thể hiện của các item, menu hay module cụ thể.

Preview: biểu tượng “Preview” cho phép một cửa sổ popup để bạn xem từ Backend coi content item của bạn nhìn như thế nào trong Frontend của site.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Projects: Các Project có thể là các component, module, template, mambot và script mà được cài đặt miễn phí và quản lý bởi các tác giả khác tại [/http://developer.joomla.org](http://developer.joomla.org).

Publish(ed): Nó xác định tình trạng của nhiều phần của cài đặt Joomla. Ví dụ, Các Element đã cài đặt sẽ chỉ hiển thị trên site nếu chúng được publish. Các Content Item có thể được quản lý với một ngày khởi đầu và ngày kết thúc publish.

Record: Một Record là một tên gọi chung cho một hàng trong database, như một card. Một record hay thường để thể hiện một phần của nội dung. Chức năng động và nhiều nội dung của Joomla giữa trên một database hợp lệ để hoạt động.

Static Content Item: Một Static Content Item là một content item mà không thuộc về hệ thống phân cấp Sections/Category/Content Item.

Section: Một Section là một tập hợp của các Category mà liên quan theo một vài cách. Nó là một phần của hệ thống phân cấp Section/Category/Content Item. Một Section có thể được gọi là "Tin tức", các category trong section này có thể là "Tin trong ngày", "Tin hôm qua" hay "Tin khác".

Site: The Joomla Site is the Web site displayed to your visitors or users, containing all the content added in the Admin

Section. It is sometime referred to as the 'Frontend'.

Templates: Các Template xác định cách trình bày của Joomla Web site. Bạn có thể gán các template khác nhau cho nhiều trang của site. Các template có thể được tạo cho Frontend của site được gọi là Site Template cũng như Backend được gọi là Administrator Template.

Title: Nó là tên được hiển thị trên một content Item.

Title Alias: Nó là tiêu đề có thể thay thế cho các Content Item. Trường này không được dùng bởi chính Joomla core, nhưng các SEF scrip và các script title/meta động dùng nó và nó có thể được dùng trong trường lại.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Workspace: Workspace là một phần của Joomla Admin Section nơi việc cấu hình và content đã publish chiến chỗ. Workspace cập nhật tự động khi bạn chọn các công cụ và các tùy chọn menu.

Workspace có thể bao gồm: trình soạn thảo HTML, quản lý liên kết và bài viết và nhiều tính năng khác. Wrapper: Một Wrapper là một component Joomla cài sẵn có thể hiển thị URL bất kỳ trong site của bạn. Nó có thể được dùng để bao bọc một ứng dụng như một diễn đàn hay một gallery, các trang ca nhân hóa cũng như một site nguyên vẹn. Một tên khác là Iframe.

Nguyên tắc GNU GPL License

Website này được sức mạnh từ Joomla! Phần mềm và các template mặc định trên nó thuộc bản quyền 2005 Open Source Mattes. Tất cả nội dung và dữ liệu khác, bao gồm dữ liệu nhập vào site này và các template thêm vào sau khi cài đặt, là bản quyền thuộc về người tạo ra nó.

Nếu bạn muốn phân phối, sao chép hay chỉnh sửa Joomla!, bạn được chào đón làm như thế dưới các điều khoản của GNU General Public License. Nếu bạn không quen với giấy phép này, có thể bạn muốn đọc "How to apply These Terms to Your Program" và 'GNU General Public

Phụ lục: Tiny MCE Editor và Rich Text Editor (WYSIWYG)

Tiny MCE Editor

Trình soạn thảo Tiny MCE được dùng để định dạng nội dung văn bản. Giao diện tương đối phổ biến với tất cả ai quen với phần mềm cung cấp office phổ biến nào.

Những biểu tượng, hợp lệ, cho phép bạn làm:

Bold - Cho phép bạn làm văn bản đã chọn đậm lên.

Italic - Cho phép bạn thay đổi văn bản đã chọn nghiêng đi.

Underline - Cho phép bạn gạch dưới văn bản đã chọn

~~Strikethrough~~ - Cho phép bạn gạch bỏ văn bản đã chọn. Gạch bỏ đặt một đường ngang qua văn bản đã chọn.

Left Align - Cho phép bạn căn lề đoạn văn bản hiện tại về bên trái (mặc định).

Centre Align - Cho phép bạn căn giữa văn bản.

Right Align - Cho phép bạn căn lề đoạn văn bản hiện tại về bên phải.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Justify – Đặt đoạn văn bản đã chọn trong các đường vuông góc, hay căn đều.

Outdent – Nó di chuyển text đã chọn về bên trái một khoảng tab với mỗi click.

Indent - Nó di chuyển text đã chọn về bên phải một khoảng tab với mỗi click.

Order List – Nó đánh số danh sách.

Unordered List – Tạo danh sách hạt đậu.

Undo – Nó truy hội tác vụ cuối cùng.

Redo – Nó làm lại tác vụ Undo cuối cùng. Insert Link – Nó cung cấp một cửa sổ thuận tiện để bạn biến text đang chọn thành một liên kết

tới một trang khác hay site khác.

Unlink – Nó xóa liên kết.

Add Image – Nó lấy một URL và đặt ảnh vào content tại vị trí này.

Clean up messy code - Nó làm sạch code và xóa định dạng không mong muốn. Chức năng này hữu dụng khi bạn sao chép các content từ phần mềm soạn thảo khác, làm một ví dụ.

Help - Hiển thị cửa sổ trợ giúp về các nút mà có thể click để nhận các kết quả được mô tả.

Text Colour – Cho bạn cơ hội thay đổi màu sắc văn bản đã chọn.

Rich Text Editor (RTE)

Rich Text Editor được bao gồm trong Joomla.

Bạn có thể dùng RTE Editor để nhập nội dung của mình. Bạn cũng có thể cắt và dán từ những ứng dụng phổ biến khác, bao gồm các phần mềm lập trình và soạn thảo. Nó đơn giản tiến trình di chuyển nội dung từ tài liệu vào web.

Giao diện tương đối phổ biến với mọi người quen dùng phần mềm office phổ biến. Các biểu tượng, hợp lệ, cho phép bạn làm:

Bold - Cho phép bạn làm văn bản đã chọn đậm lên.

Italic - Cho phép bạn thay đổi văn bản đã chọn nghiêng đi.



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

Underline - Cho phép bạn gạch dưới văn bản đã chọn

Left Align - Cho phép bạn căn lề đoạn văn bản hiện tại về bên trái (mặc định).

Centre Align - Cho phép bạn căn giữa văn bản.

Right Align - Cho phép bạn căn lề đoạn văn bản hiện tại về bên phải.

Justify – Đặt đoạn văn bản đã chọn trong các đường vuông góc, hay căn đều.

Horizontal Rule – Chèn một đường ngang vào vị trí con trỏ.

Order List – Nó đánh số danh sách.

Unordered List – Tạo danh sách hạt đậu.

Outdent – Nó di chuyển text đã chọn về bên trái một khoảng tab với mỗi click.

Indent - Nó di chuyển text đã chọn về bên phải một khoảng tab với mỗi click.

Text Colour – Cho bạn cơ hội thay đổi màu sắc văn bản đã chọn.

Background colour – cho phép bạn thay đổi màu nền văn bản chọn.

Insert Link – Nó cung cấp một cửa sổ thuận tiện để bạn biến text đang chọn thành một liên kết tới một trang khác hay site khác. Add Image – Nó lấy một URL và đặt ảnh vào content tại vị trí này.

View Source – Nó cho phép bạn làm việc với mã HTML của content.

GHI CHÚ: biểu tượng Add Image trong RTE Editor không được tích hợp với Joomla.

Help Screens

Bất cứ khi nào bạn cần trợ giúp trong Admin Section, nhìn vào góc trên bên phải trên hầu hết các

trang cho biểu tượng Joomla “Help”. Click vào nó sẽ cung cấp cửa sổ popup với thông tin về trang hiện tại. Cửa sổ popup sẽ cung cấp các thông tin cung về hiện thị, về các chức năng cơ

bản, tại sao nó cần thiết, và dùng nó như thế nào. Nếu có các trường dữ liệu nhập, cửa sổ popup sẽ giảng giải mỗi mục giữ liệu và cung cấp các ví dụ các loại dữ liệu bạn nên nhập.

Nếu bạn tìm kiếm thêm trợ giúp, vào thanh menu và click từ “Help”. Bạn sẽ nhận được nội dung



2 Bis Đinh Tiên Hoàng, DaKao, Quận 1, Tp HCM
www.athena.edu.vn . Tel : 38244041 – 090 78 79 477

giúp đỡ đầy đủ của hệ thống Joomla. Bên phía trái của hiển thị bạn sẽ thấy danh mục của danh sách các chủ đề. Khi bạn click vào một chủ đề, bên phải của hiển thị sẽ liệt kê thông tin về đề tài.

Cũng có một vùng nơi bạn có thể nhập từ khóa để tìm kiếm nội dung giúp đỡ.